

TS. PHẠM QUỐC TRUNG

๓๘



# THÁCH THỨC & CƠ HỘI

---

Sài Gòn – Tháng 8/ 2018

# MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	2
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT .....	5
LỜI NÓI ĐẦU .....	7
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC: CẢI TIẾN THEO TƯ DUY BIỆN CHỨNG .....	9
1. Đánh giá hệ thống giáo dục đại học truyền thống :.....	9
2. Đề nghị cải tiến giáo dục đại học theo các nguyên lý biện chứng : .....	11
DẠY HỌC ĐẠI HỌC: TỒN TẠI VÀ GIẢI PHÁP .....	14
1. Tồn tại .....	14
2. Giải pháp.....	15
CHẤM HƯNG GIÁO DỤC ĐỂ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH VIỆT NAM.....	17
1. Tổng quan .....	17
2. Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh hiệu quả.....	18
PHÂN BIỆT ĐÚNG – SAI, THẬT – GIẢ.....	23
1. Giới thiệu chung.....	23
2. Tiêu chí đánh giá.....	24
3. Một vài lời khuyên.....	27
BÀN VỀ TỰ DO HỌC THUẬT .....	30
1. Tổng quan .....	30
2. Tự do học thuật trong bối cảnh Việt Nam.....	32
GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO TRẺ EM.....	37
1. Lời nói đầu “Mẫu chuyện PG cho Thiếu nhi-Tập 1” .....	37
2. Lời nói đầu “Mẫu chuyện PG cho Thiếu nhi-Tập 3” .....	38

3.    Lời nói đầu “Thơ Phật cho Trẻ em” .....	40
<b>HẠN CHẾ CỦA ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ GDĐH &amp; BIỆN PHÁP .....</b>	<b>43</b>
1.    Giới thiệu .....	43
2.    Các công việc quản lý quá trình đào tạo .....	44
3.    Các khó khăn & hạn chế của đội ngũ CBQL đào tạo ở trường ĐH 48	
4.    Một số biện pháp khắc phục .....	50
5.    Kết luận.....	51
<b>HỌC CÁCH CÙNG CHUNG SỐNG.....</b>	<b>53</b>
1.    Giới thiệu .....	53
2.    Học để thành người.....	54
3.    Học cách cùng chung sống.....	55
4.    Làm thế nào để học cách cùng chung sống.....	58
<b>VAI TRÒ CỦA TRI THỨC VÀ NCKH TRONG NỀN KINH TẾ TRI THỨC .....</b>	<b>63</b>
1.    Công nhân tri thức – nguồn tài nguyên vô giá.....	63
2.    Vai trò giáo dục & NCKH trong nền kinh tế tri thức.....	67
<b>HỌC LÀM VIỆC NHỎ ĐỂ XÂY DỰNG XÃ HỘI VĂN MINH.....</b>	<b>74</b>
1.    Giới thiệu .....	74
2.    Một số việc nhỏ cần học và làm.....	75
3.    Kết luận.....	80
<b>MỘT VÀI BÌNH LUẬN CHIA SẺ VỀ GIÁO DỤC .....</b>	<b>82</b>
1.    Phương pháp dạy lấy học sinh làm trung tâm.....	82
2.    Một vài suy nghĩ trong dịp coi thi tuyển sinh ĐH.....	83
3.    Suy nghĩ về cải cách thi cử, đánh giá ở VN.....	84
<b>BÀN VỀ SỰ HỌC.....</b>	<b>91</b>
1.    Tiên sư và tục sư .....	91
2.    Học làm người là khó.....	92

3. Ví dụ về sự học làm người .....96

**HỌC TẬP ĐIỆN TỬ & CHUYỂN GIAO TRI THỨC .....100**

1. E-Learning tại trường ĐHBK .....100

2. E-Learning ở một vài trường ĐH trong TP.HCM.....104



## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

<b>Từ viết tắt</b>	<b>Ý nghĩa</b>
AUN	Asean University Network (Mạng lưới các trường ĐH ĐNA)
BGH	Ban giám hiệu
BQL	Ban quản lý
CBQL	Cán bộ quản lý
CDIO	Cách tiếp cận Nhận thức, Thiết kế, Triển khai, Vận hành
CFA	Confirmatory Factor Analysis (phân tích nhân tố khẳng định)
CNTT	Công nghệ thông tin
CTDT	Chương trình đào tạo
DH	Đại học
DHBK	Đại học Bách khoa
DHQG	Đại học Quốc gia
DNA	Đông Nam Á
DTBTL	Điểm trung bình tích lũy
EFA	Exploratory Factor Analysis (phân tích nhân tố khám phá)
e-Learning	Học tập điện tử
GDDH	Giáo dục Đại học
GV	Giảng viên
HD	Hội đồng
HTTT	Hệ thống thông tin
ICT	Information Communication Technology (CNTT-VT)
ISO	Tổ chức Chuẩn hóa Quốc tế
IT	Information Technology (CNTT)
KHKT	Khoa học kỹ thuật
NB	Nhật Bản

NCKH	Nghiên cứu khoa học
NVSP	Nghiệp vụ sư phạm
PCA	Permanent Court of Arbitration (Tòa trọng tài thường trực)
PG	Phật giáo
QLCN	Quản lý công nghiệp
QLTT	Quản lý tri thức
SEM	Structural Equation Model (mô hình cấu trúc tuyến tính)
SV	Sinh viên
TMDT	Thương mại điện tử
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TQ	Trung Quốc
UNESCO	Tổ chức Văn hóa Giáo dục Liên hiệp quốc
VD	Ví dụ
VN	Việt Nam



## LỜI NÓI ĐẦU

**K**hi nghiên cứu về sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế Nhật Bản sau thế chiến thứ 2, mọi người đều nhận thấy yếu tố quan trọng góp phần vào sự thần kỳ Đông Á chính là việc đầu tư đúng đắn vào nền giáo dục của người Nhật. Tương tự Nhật Bản, Hàn Quốc và các mô hình kinh tế mới nổi đều chú trọng đầu tư ngân sách rất lớn để phát triển giáo dục. Họ đều thấy rằng giáo dục là chìa khóa rút ngắn tốc độ phát triển, và đưa nền kinh tế đuổi kịp các quốc gia công nghiệp.

Giáo dục Việt Nam đang ở đâu trước bối cảnh thế giới đang tiến nhanh vào cuộc cách mạng công nghiệp 4.0? Chúng ta cần phải làm gì để cải cách giáo dục nhằm tạo ra những con người có tri thức, kỹ năng, và năng lực phù hợp với thời đại công nghệ thông tin và tri thức? Đó là những câu hỏi đang đặt ra đối với những người làm công tác giáo dục ở Việt Nam hiện nay. Mặc dù Việt Nam đã rõ sức mạnh của giáo dục khi xem “giáo dục là quốc sách” và có nhiều đợt cải cách giáo dục trong 3 thập kỷ qua, nhưng kết quả đạt được còn quá khiêm tốn. Các nhà quản lý giáo dục ở Việt Nam vẫn loay hoay trong việc xác định chiến lược giáo dục đúng đắn, phải đối phó với nạn chảy máu chất xám, hay còn mắc kẹt trong việc cải cách sách giáo khoa và thi cử, mà chưa tìm ra được hướng đi giúp giáo dục phát triển vững chắc trong thế kỷ 21.

Tập sách này là tập hợp những bài viết xuất phát từ những trải nghiệm của tác giả liên quan đến chủ đề giáo dục, nhằm xác định thực trạng và đề ra một số giải pháp, có thể chưa toàn diện, nhưng cung

cấp một góc nhìn, cũng như gợi ý các hướng đi cho các thảo luận, nghiên cứu sâu hơn về giáo dục ở Việt Nam. Rãi rác trong các bài viết là những suy nghĩ, chia sẻ, dữ kiện quan sát từ thực tế gần 20 năm công tác trong môi trường giáo dục của tác giả. Hy vọng, đây sẽ là những chất liệu quý giá để người đọc hiểu thêm về thực trạng giáo dục của Việt Nam, từ đó, xác định được giải pháp và hướng đi đúng đắn góp phần phát triển giáo dục nước nhà. Trên cơ sở của một nền giáo dục vững mạnh, đào tạo được những con người ưu tú, có đủ phẩm chất, năng lực để đương đầu với những vấn đề khó khăn thử thách của thế kỷ 21, kinh tế Việt Nam mới hy vọng phát triển bền vững trong thời đại tri thức.

Các bài viết trong tập sách này bàn về nhiều chủ đề khác nhau, như: phương pháp giáo dục đại học, năng lực cạnh tranh, phân biệt đúng sai, tự do học thuật, giáo dục đạo đức cho trẻ em, quản lý đào tạo ở ĐH, học cách cùng chung sống, vai trò trí thức và NCKH trong nền kinh tế tri thức, xây dựng xã hội văn minh, cải cách thi cử, bàn về sự học, học tập điện tử... Tuy chỉ là những bài viết rời rạc, nhưng đều xoay quanh chủ đề giáo dục, nên các bài viết này sẽ giúp soi rọi những góc nhìn khác nhau về chủ đề khá rộng lớn và đa dạng này. Hy vọng, các bài viết này sẽ giúp người đọc thấy rõ được các thách thức và cơ hội đối với nền giáo dục Việt Nam hiện nay, làm cơ sở cho cải cách GD thành công.

Xin chân thành cảm ơn các góp ý, tư liệu, hình vẽ đã được sử dụng mà chưa có điều kiện liên hệ xin phép trước. Nếu có điểm nào sai sót, mong nhận được các góp ý để hoàn thiện hơn.

Tác giả kính bút (Sài Gòn, 2018).



# GIÁO DỤC ĐẠI HỌC: CẢI TIẾN THEO TƯ DUY BIỆN CHỨNG

## 1. Đánh giá hệ thống giáo dục đại học truyền thống :

Ngày nay, giáo dục đại học ở nước ta đã đạt được nhiều bước tiến đáng kể, có nhiều đóng góp vào sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, ứng dụng vào thực tiễn, đem lại sự phát triển cho đất nước. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội, đòi hỏi ngày càng nhiều của các ngành nghề chuyên môn, thì phương pháp giáo dục truyền thống tỏ ra không đáp ứng kịp và cần phải có những cải cách mang tính cách mạng, để đưa giáo dục đại học trở thành một động lực phát triển, góp phần định hướng cho hoạt động kinh tế, văn hóa và theo kịp những tiến bộ của nền công nghệ tri thức trên thế giới.

Nền giáo dục đại học ở nước ta đã trải qua nhiều lần cải cách, tuy nhiên các mô hình và phương pháp giáo dục vẫn chưa có nhiều thay đổi mang tính đột phá. Người ta vẫn thấy hình ảnh ông thầy đến lớp, làm nhiệm vụ truyền bá kiến thức, và sinh viên đến lớp lắng nghe, ghi chép... Những hoạt động này lặp đi lặp lại như một cái máy, khiến cho việc dạy và học thiếu hẳn tính sáng tạo, sinh động cần có. Mặc dù, người thầy có chú trọng sử dụng những kỹ thuật truyền thụ nhằm tạo ra những phản ứng tích cực nơi người học, và sinh viên cố gắng đến lớp đầy đủ để tiếp thu kiến thức, nhưng hiệu quả đạt được vẫn không cao, vì cả thầy và trò đều tách

rời những gì được học, được dạy ra khỏi thực tế sinh động của cuộc sống. Thậm chí có những môn học mang tính chất lý thuyết đơn thuần, hoặc nội dung quá lạc hậu so với thực tế, khiến cho người học không thấy được những ứng dụng và ý nghĩa thực tiễn của môn học.

Việc cập nhật nội dung các môn học chưa theo kịp với những thay đổi nhanh chóng của các kỹ thuật sử dụng ngoài xã hội, nhất là với những thay đổi của KHKT trong những năm gần đây. Do đó, khoảng cách giữa kiến thức của sinh viên đại học và của chuyên viên kỹ thuật còn lớn, cần phải có thời gian đào tạo thêm, đào tạo lại trong quá trình làm việc. Tốc độ ứng dụng của các thành tựu nghiên cứu của lý thuyết vào thực tế còn chậm, chưa tạo nên những động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội. Những ý kiến bảo thủ, không muốn thay đổi vẫn là những trở lực rất lớn, trình độ hiện nay của nhiều giảng viên chưa sử dụng được các phương tiện giáo dục hiện đại, chưa thích ứng với những ý tưởng giáo dục mới... đã hạn chế khả năng phát huy sáng tạo, cũng như việc gắn kết các hoạt động nhà trường với thực tế phong phú sinh động.

Gần đây, nhiều trường đại học đã và đang cố gắng tìm ra những hướng đi mới dựa theo các phương pháp giáo dục ở các nước tiên tiến, chẳng hạn : tăng các giờ trao đổi, thực tập ngoại khóa, các buổi seminar về những đề tài có liên quan đến môn học, cho sinh viên đi khảo sát thực tế rồi báo cáo, sử dụng phương tiện Internet trong tìm kiếm thông tin, tri thức... Những chuyển biến này làm phong phú hơn các nguồn cung cấp tri thức cho sinh viên, tạo được hứng thú

trong công tác học tập, giảng dạy... mặc dù chưa nhiều và chưa phổ biến, nhưng đã phần nào tích lũy các thay đổi về lượng, tạo những tiền đề cơ bản để chuẩn bị cho những thay đổi về chất của giáo dục đại học ở nước ta sau này. Tuy nhiên để có những thay đổi tích cực và mạnh mẽ hơn đòi hỏi phải có một sự định hướng rõ rệt từ phía nhà nước, sự thay đổi trong nhận thức của các nhà làm công tác giáo dục, và ý thức của tất cả mọi người về một nhu cầu đổi mới toàn diện, để có một phương pháp giáo dục đại học tiến bộ, phù hợp với hoàn cảnh nước ta, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

## **2. Đề nghị cải tiến giáo dục đại học theo các nguyên lý biện chứng :**

Từ nhận định trên, ta thử vạch ra một số đề nghị để cải tiến giáo dục đại học dựa trên những nguyên lý của phép biện chứng, như sau:

+ Cập nhật các nội dung giảng dạy và cải cách chương trình học theo nguyên tắc gắn liền nội dung học với yêu cầu thực tế của xã hội một cách có định hướng sao cho phù hợp với khuynh hướng phát triển chung của giáo dục cũng như của xã hội.

+ Nâng cao trình độ của đội ngũ giảng viên, thường xuyên cập nhật các tri thức mới, tổ chức các khóa tu nghiệp ngắn hạn để các giảng viên có thể tiếp cận với các phương pháp giáo dục hiện đại, tổ chức các buổi hội thảo để trao đổi

về cách thức giáo dục hiệu quả, sử dụng các phương tiện hiện đại vào công tác giảng dạy.

+ Mở rộng phạm vi dạy và học ra khỏi bốn bức tường lớp học, tạo không khí trao đổi, thân thiện giữa thầy và trò, buổi học có thể diễn ra ở bất cứ đâu miễn là có lợi cho việc tiếp thu kiến thức. Phát huy hiệu quả của hệ thống thư viện, với sự hỗ trợ của máy vi tính, internet và kho sách điện tử.

+ Ngoài nội dung giảng dạy trên lớp, cần tăng cường hơn nữa các loại sinh hoạt khác hỗ trợ cho việc giảng dạy, tiếp thu tri thức, ví dụ như : các cuộc thi hùng biện, các đề tài môn học thực hiện theo nhóm, đi khảo sát thực tế, thu thập tư liệu theo chủ đề, các buổi thuyết trình, tranh luận ngoài lớp... Các hoạt động này sẽ giúp sinh viên có dịp được tiếp xúc, trao đổi với nhiều người khác nhau trong xã hội, với nhiều ý kiến khác biệt, nhờ đó sinh viên có thêm cơ hội thu thập và chắt lọc những quan điểm khác ngoài những điều đã được nghe giảng. Qua đó, sinh viên còn có dịp rèn luyện óc tổng hợp và khả năng lý luận của mình, điều này rất cần thiết để tạo nên tính sáng tạo và tự chủ ở mỗi sinh viên.

+ Cần tạo điều kiện để giảng viên và sinh viên thực hiện các nghiên cứu khoa học, các công trình sáng tạo mang tính thực tiễn. Vì có trực tiếp tạo ra những sản phẩm thì việc dạy và học mới trở nên có ý nghĩa, mới góp phần giải quyết được các yêu cầu mà xã hội đặt ra. Nhờ những hoạt động này, trường học và xã hội sẽ trở nên gắn gũi với nhau hơn, qua đó đại học đóng được vai trò định hướng cho xã hội và ngược lại xã hội giúp cho nội dung giảng dạy được thực tiễn và

phong phú hơn. Đại học sẽ mất đi ý nghĩa cao đẹp của nó nếu chỉ thu hẹp trong việc giảng dạy mà thiếu mất hoạt động nghiên cứu sáng tạo này.

+ Ngoài ra, các sinh hoạt đoàn thể, các buổi giao lưu văn nghệ, cắm trại... cũng đóng góp rất nhiều vào việc tạo thoải mái về mặt tinh thần, rèn luyện các kỹ năng, đồng thời phát triển tinh thần đồng đội. Các phong trào tình nguyện, như : lớp học tình thương, lập lại trật tự giao thông, mùa hè xanh... là những điển hình tốt trong việc gắn nhà trường và xã hội, góp phần tạo nên một nền giáo dục đại học năng động.

Suy cho cùng, việc giáo dục bắt đầu từ con người, và nhằm phục vụ con người, vì vậy mọi cải cách giáo dục đại học cần lấy con người làm động lực chính, là tiêu chuẩn của mọi hoạt động khoa học. Có như vậy, các phương pháp đề ra mới tạo được sự phát triển hài hòa giữa con người – tự nhiên – xã hội, tạo nên sự phát triển toàn diện và bền vững.

# DẠY HỌC ĐẠI HỌC: TỒN TẠI VÀ GIẢI PHÁP

## 1. Tồn tại

Theo suy nghĩ của tôi, hiện nay quá trình dạy đại học tại Việt Nam phải đối đầu với nhiều vấn đề bất cập, như: chất lượng dạy & học, giáo trình, đánh giá, thi cử... Trong đó vấn đề nghiêm trọng nhất ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục đó là sự thiếu tích cực của sinh viên hay nói khác hơn là tính thụ động của người học. Các thầy cô trên giảng đường đại học gặp không ít khó khăn khi đảm nhiệm việc dạy học cho những lớp rất đông sinh viên mà trong đó, phần lớn không có thói quen tích cực trong việc tiếp cận bài giảng và tự tìm hiểu tri thức liên quan đến bài học.

Theo tôi nghĩ, nguyên nhân chính của thực trạng này là do thói quen học tập từ thời phổ thông mà các bạn sinh viên đã quá quen với cách học “thầy đọc, trò ghi”, và chưa thích nghi được với phương pháp học tập ở cấp bậc đại học, ở đó đòi hỏi rất nhiều sự chủ động của người học. Nhìn vào các giảng đường đại học của những nước có nền giáo dục phát triển, chúng ta không khỏi thán phục trước không khí học tập sôi nổi, trước những câu hỏi, trả lời rất tự nhiên của thầy và trò, trước lượng tri thức quý giá chỉ có được trong quá trình tranh luận, mà rất thiếu trong lối học thụ động truyền thống. Rất nhiều thầy cô tâm huyết đã cố gắng tạo ra không khí này trong giảng đường đại học Việt Nam, nhưng một số lớn đã thất bại.

## 2. Giải pháp

Khi đã xác định nguyên nhân chính nằm ở thói quen không được phát biểu của người học được tích lũy trong suốt 12 năm của các lớp học phổ thông, thì vấn đề là phải thay đổi thói quen đó. Chúng ta đều biết rất khó để thay đổi một thói quen, và điều này đòi hỏi phải có thời gian và phương pháp. Tuy nhiên, thói quen lại bắt nguồn từ hành động, do quá trình lặp đi lặp lại mà có, vì vậy giải pháp nằm ở chính hành động và phương pháp thích hợp của các thầy cô. Hiện nay, chúng ta đều biết đến phương pháp học theo tình huống (case study), dựa theo một tình huống thực tế mà thầy cô sẽ triển khai bài giảng xoay quanh tình huống đó để người học có dịp thảo luận và học hỏi. Đây là một phương pháp rất hay giúp người học có một cái nhìn thực tế và sinh động hơn về những gì đang học, từ đó kích thích sự tìm hiểu, tranh luận. Tuy nhiên, tình huống cần phải sát với thực tế, tránh tình trạng một số thầy cô dựa vào các tình huống trong sách của nước ngoài vừa xa lạ vừa thiếu cập nhật, điều này sẽ gây ra phản tác dụng. Ngoài ra, thầy cô đại học cần phải tạo cho sinh viên thói quen hoạt động nhóm, bằng cách ra bài tập nhóm, để sinh viên chuẩn bị, báo cáo trước lớp. Chính hoạt động này giúp tăng tính chủ động và tích cực của sinh viên, tuy nhiên người thầy cần phải chọn lọc đề tài nhóm cho phù hợp và đặt những câu hỏi gợi mở, cũng như tổng kết một số điểm quan trọng của đề tài mà người học chưa chú ý. Quan trọng nhất là người thầy phải biết làm mới bài giảng để tạo sự hấp dẫn ở người học, từ đó thu hút họ và kích thích sự tò mò, tìm hiểu thêm và khuyến khích đặt câu hỏi về bài giảng. Qua các hoạt động

đó, hy vọng sẽ tạo nên tính chủ động trong học tập và nghiên cứu khoa học ở sinh viên.

Vì vậy, một trong những điều mà thầy cô giảng dạy ở bậc đại học cần phải đạt được để khắc phục tính thụ động đó là phải tập cho sinh viên thói quen tích cực trong khi học, thói quen chủ động trong việc đặt ra câu hỏi và giải quyết vấn đề liên quan đến môn học,... Thói quen này sẽ hình thành dần theo thời gian, nếu người dạy biết khéo léo vận dụng một số phương pháp như : học tình huống, bài tập nhóm, hỏi đáp giữa thầy & trò... Đó là giải pháp mà tôi nghĩ nếu được áp dụng hiệu quả sẽ góp phần giải quyết hiện trạng học tập thiếu tích cực hiện nay.

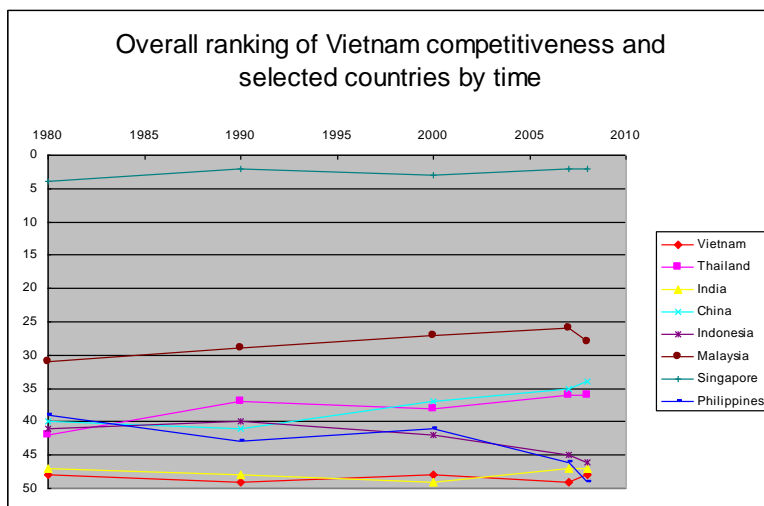




# CHẤN HƯNG GIÁO DỤC ĐỂ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH VIỆT NAM

## 1. Tổng quan

Đọc tựa đề, có lẽ mọi người sẽ cho rằng đây chỉ là quan điểm chủ quan của tác giả nhằm nhấn mạnh vai trò của Giáo dục, chứ đâu thấy mối liên quan trực tiếp nào giữa Giáo dục và Năng lực cạnh tranh quốc gia. Nghĩ như thế là hoàn toàn sai lầm, vì nếu xem xét kỹ trong chỉ số về Năng lực cạnh tranh quốc gia, ta sẽ thấy trong đó có hai thành phần quan trọng là Giáo dục và KHKT. Vì vậy, đây là những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp lên năng lực cạnh tranh của mỗi nước. Đặc biệt, yếu tố cản trở nhiều nhất đến việc cải thiện năng lực cạnh tranh của Việt Nam hiện nay theo thống kê chính là yếu tố Giáo dục. Trước tiên, chúng ta hãy xem biểu đồ sau:

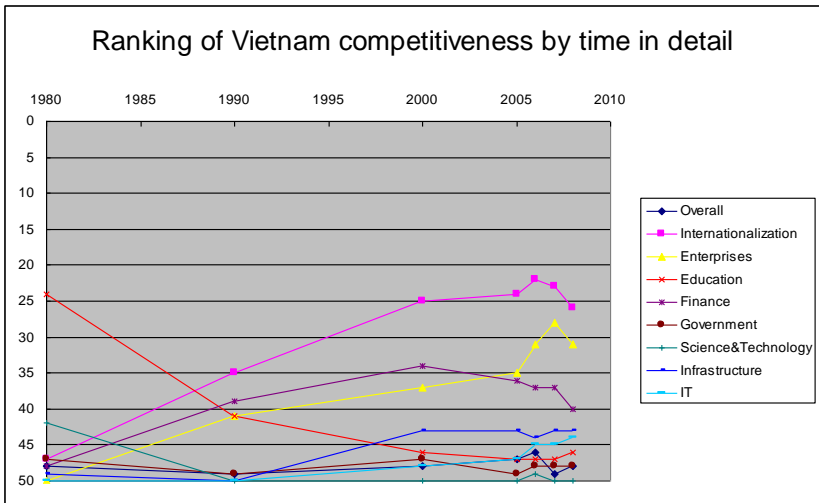


Hình 1. Năng lực cạnh tranh của VN và 1 vài quốc gia chọn lọc

Đây là biểu đồ so sánh năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam và một số nước xung quanh. Bảng xếp hạng này được tham khảo từ Trung Tâm Nghiên cứu Kinh tế Nhật Bản (<http://www.jcer.or.jp/>), trong đó sắp hạng 50 nước được quan tâm nghiên cứu. Trong bảng xếp hạng này, dễ dàng nhận thấy, gần 30 năm qua năng lực cạnh tranh của Việt Nam không hề có tiến bộ, chỉ dao động ở ngưỡng 48 hoặc 49. Nếu so sánh với một số nước xung quanh, thì chỉ có Ấn Độ là bạn đồng hành với Việt Nam ở thứ hạng này. Nước có tiến bộ vượt bậc về năng lực cạnh tranh phải kể đến Malaysia, Thái Lan, Trung Quốc. Còn Singapore luôn ở thứ hạng rất cao trong bảng sắp hạng này, nên không nói tới ở đây. Nước có năng lực cạnh tranh đi xuống gồm có Philippines và Indonesia. Như vậy, nếu nhìn vào bảng xếp hạng này, ta thấy Việt Nam nếu muốn nâng cao năng lực cạnh tranh của mình thì nên học tập theo tấm gương của Malaysia và Thái Lan vì các nước này cùng trong khối Đông Nam Á và có hoàn cảnh, năng lực và quy mô gần giống với Việt Nam.

## **2. Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh hiệu quả**

Nếu xét kỹ hơn về các thành phần của chỉ số Năng lực cạnh tranh này, ta sẽ thấy rõ hơn bức tranh phát triển của Việt Nam trong 30 năm qua theo nhiều khía cạnh, và từ đó tìm ra được điểm yếu nhất để tập trung khắc phục. Hãy nhìn vào biểu đồ chi tiết sau:



Hình 2. Sắp hạng từng thành tố của năng lực cạnh tranh VN theo thời gian

Biểu đồ trên so sánh thứ hạng của các yếu tố trong Năng lực cạnh tranh của Việt Nam theo thời gian, từ 1980 đến nay. Các yếu tố chính này gồm có: Hợp tác quốc tế (Internationalization), Doanh nghiệp (Enterprises), Giáo dục (Education), Tài chính (Finance), Chính phủ (Government), KHKT (Science&Technology), Hạ tầng (Infrastructure) và CNTT (IT).

Dựa vào biểu đồ này, ta nhận thấy, Năng lực cạnh tranh chung của Việt Nam không thay đổi từ 1980 đến nay không phải do các yếu tố trên không thay đổi, mà bởi có những yếu tố phát triển đi lên, nhưng đồng thời cũng có những yếu tố tụt hậu đi xuống, khiến cho chỉ số chung không thể tăng như mong muốn.

Vậy yếu tố nào đã kéo Năng lực cạnh tranh của Việt Nam tụt

lại? Nhìn vào biểu đồ, dễ dàng thấy ngay đó chính là yếu tố Giáo dục (từ thứ hạng 24 năm 1980 đã tụt xuống thứ hạng 46 năm 2008). Ngoài ra, KHKT của Việt Nam chưa bao giờ được đánh giá mạnh so với các nước (luôn đứng cuối bảng từ 1990 tới nay). Tuy nhiên, đây lại là hai yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến con người, đến đội ngũ lao động, kỹ sư, các nhà khoa học... từ đó ảnh hưởng đến các yếu tố khác của sự phát triển. Điều này lí giải tại sao, Việt Nam mặc dù có nhiều tiến bộ ở các lĩnh vực như: Hợp tác quốc tế, tăng số lượng và vai trò của các loại hình DN, cải cách tài chính, phát triển cơ sở hạ tầng, nhưng không nâng được chỉ số năng lực cạnh tranh chung. Tại sao phải tập trung vào Giáo dục, thay vì các yếu tố khác cũng yếu kém, như: CNTT, Năng lực điều hành của Chính phủ, KHKT... Lý do chính là khi nhìn vào biểu đồ trên, ta thấy rằng tiềm lực về Giáo dục ở nước ta khá mạnh so với các lĩnh vực còn lại, vì ở những năm 1980, nước ta đã có thứ hạng khá cao về Giáo dục (hạng 24/50), trong khi đó CNTT, Chính phủ, KHKT đều nằm ở những thứ hạng thấp trong suốt gần 30 năm qua. Vì vậy, một khi được đầu tư xứng đáng, thay đổi tư duy quản lý lạc hậu, tạo điều kiện phù hợp cho sự sáng tạo và đổi mới phương pháp giáo dục... thì khả năng khôi phục lại vị trí xứng đáng của giáo dục Việt Nam là rất cao.

Từ phân tích trên, ta thấy rằng, để nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trên trường quốc tế, việc tập trung đầu tư cho phát triển giáo dục, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và ứng dụng KHKT vào cuộc sống phải là ưu tiên hàng đầu, dùng nó làm đòn bẩy cho cả nỗ lực phát triển của xã hội.

Hơn nữa, xã hội loài người đang bước vào làn sóng thứ ba của sự phát triển, làn sóng thứ nhất là thời đại Nông nghiệp, sự giàu có đặt trên việc sở hữu đất đai, làn sóng thứ hai là thời đại Công nghiệp, sự thịnh vượng dựa trên sự sở hữu vốn tư bản, và làn sóng thứ ba là thời đại Tri thức, sự thịnh vượng đặt trên việc sở hữu tri thức và khả năng sử dụng tri thức để tạo ra và cải tiến các sản phẩm và dịch vụ (theo Savage C., “Fifth Generation Management”). Chính vì vậy, ở thời đại này, quốc gia nào tạo được nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển giáo dục, thu hút nhiều nhân tài hơn vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước thì sẽ có được vị thế cao trong cộng đồng quốc tế.

Ngày nay, nước ta đang tiến hành công cuộc công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước để theo kịp đà phát triển của thế giới, việc nâng cao vị thế đất nước để hội nhập với xu hướng phát triển chung của nhân loại trong nền kinh tế tri thức là một nhu cầu vô cùng cấp bách. Điều này, đòi hỏi những chính sách đúng đắn của chính phủ trong việc phát huy các điểm mạnh hiện tại, khắc phục những yếu kém, bắt cập trong hai lĩnh vực Giáo dục và KHKT, tiếp tục phát triển hơn nữa hạ tầng cơ sở và IT để tạo thuận lợi cho các yếu tố khác phát triển. Trong thời đại tri thức, hơn lúc nào hết, Việt Nam cần phải tạo được môi trường thuận lợi cho Giáo dục đào tạo và NCKH, để từ đó nâng cao trình độ giáo dục chung của toàn dân. Chính phủ và ngành giáo dục cần chú trọng vào việc tạo ra và đáp ứng đủ nhu cầu về đội ngũ kỹ sư, công nhân tri thức, khoa học gia có đủ chất lượng, có khả năng tiếp thu tri thức của thế giới, ứng dụng vào thực tiễn công

việc, sáng tạo và đóng góp và kho tàng tri thức chung của nhân loại.

Ngoài ra, các nhà làm chính sách phải tạo được chế độ sử dụng và đãi ngộ hợp lí với đội ngũ lao động tri thức, bất kể nguồn đào tạo, nhà nước phải thể hiện thực tâm giữ và thu hút người tài, dù ở ngoài nước hay trong nước, vào những dự án, chương trình lớn của quốc gia. Làm được như vậy, Việt Nam đã chuẩn bị cho mình những điều kiện rất tốt để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, đồng thời đưa đất nước vào quỹ đạo phát triển chung của thế giới trong thế kỷ 21.

# PHÂN BIỆT ĐÚNG – SAI, THẬT – GIẢ

## 1. Giới thiệu chung

Trong thời đại thông tin ngày nay, một nhu cầu không thể thiếu được của mọi người là được tiếp cận các nguồn thông tin nhanh chóng, chính xác, kịp thời... Với sự tiến bộ của KHKT<sup>1</sup>, đặc biệt là cuộc cách mạng CNTT<sup>2</sup> và Internet đã mở ra cơ hội rất lớn cho mọi người có cơ hội bình đẳng tiếp cận với mọi nguồn thông tin từ khắp nơi trên thế giới. Mặc dù vậy, ở một số nơi trên thế giới hiện nay, việc kiểm soát, hạn chế thông tin vẫn còn tồn tại, vì sự hẹp hòi, cố chấp của chính quyền. Nhưng nguy hiểm hơn, không những chỉ bị hạn chế về mặt thông tin, người dân ở những nơi đó lại đối mặt với một vấn đề nghiêm trọng hơn, đó là sự bóp méo thông tin, hoặc dùng các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền, đưa các tin tức sai lệch, một chiều... nhằm phục vụ cho một ý đồ, chủ trương, tham vọng vô minh nào đó. Điều này, dẫn đến một việc vô cùng tai hại là khiến cho người dân ở các nơi đó không phân biệt được Đúng – Sai và Thật – Giả, vì thiếu những thông tin cần thiết cho việc phán xét và nhận định khách quan. Do đó, vấn đề chính mà bài viết này muốn đề cập đến là tìm ra một số phương cách để giúp mọi người phân biệt Đúng-Sai, Thật-Giả. Đây là một nhu cầu rất to lớn trong kỷ nguyên thông tin và tri thức ngày nay. Đặc biệt là

---

<sup>1</sup> Khoa học kỹ thuật

<sup>2</sup> Công nghệ thông tin

khi lượng thông tin sẽ trở nên ngày càng lớn và quá tải, việc chọn lọc và tìm ra được thông tin khách quan, công bằng là một việc cực kỳ quan trọng và cấp thiết.

Đề nhận định một thông tin là Đúng hay Sai quả là một công việc khó khăn. Khó bởi chính khái niệm đúng-sai cũng đã rất khó định nghĩa một cách rõ ràng, huống nữa xác định những thông tin mình nhận được đâu đúng, đâu sai. Ở đây, khái niệm đúng và thật gắn liền với nhau, để chỉ cho những thông tin phản ánh trọn vẹn bản chất sự vật, hiện tượng, một cách khách quan, không bị xuyên tạc, bóp méo. Mặc dù, việc đúng sai, thật giả có tính tương đối và đôi khi tùy thuộc vào góc nhìn, nhưng vẫn có một số tiêu chí chung để đánh giá, đó là dựa vào mục đích của việc truyền tin, tính khách quan, công bằng của người đưa tin, sự thống nhất trong nội dung và hình thức truyền tin, để đảm bảo luôn tôn trọng và đề cao tính Chân, Thiện và Mỹ trong cuộc sống.

## 2. Tiêu chí đánh giá

Điều đầu tiên, ta có thể nhận thấy đó là, **mục đích của việc truyền tin**, đưa tin, nếu đó là mục đích tốt, hướng đến đại chúng, cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời, tôn trọng tính chính xác, đầy đủ, thì đó có thể là nguồn thông tin đúng, còn ngược lại thì chắc chắn là thông tin không đúng. Thứ hai là, **tính độc lập, khách quan của người, cơ quan đưa tin**, nếu người, cơ quan đó bị lệ thuộc hoặc bị chi phối bởi một quyền lực hay lợi ích nào đó, thì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tính khách quan của thông tin mà họ cung cấp, vì thế khó



đảm bảo sự công bằng khách quan, không vụ lợi. Thứ ba là, **nội dung tin tức có đề cao giá trị đạo đức tốt đẹp và hướng thiện hay không?** Đây là một tiêu chí để đánh giá tính đúng sai của một thông tin, bởi vì việc truyền thông là nhằm hướng đến con người, và xây dựng xã hội người ngày một tốt đẹp hơn. Nếu một thông tin đi ngược lại tiêu chí này, chẳng hạn: kích động hận thù, bạo lực, tham dực... thì đó không thể là thông tin đúng được. Cuối cùng, **hình thức của tin phải thể hiện sự nghiêm túc, tôn trọng độc giả**, có chỉ dẫn nguồn tham khảo, có trình bày rõ ràng, khoa học. Vì không thể có một nội dung nghiêm túc, đúng đắn trong một hình thức trình bày câu thả, tùy tiện, sai chính tả và thiếu khoa học được.

Ngoài ra, tính đúng sai còn thể hiện ở chính giá trị của thông tin đó. Thông tin tốt là thông tin mang đến cho người tiếp nhận thông tin nhiều hiểu biết về vấn đề, sự kiện trong thực tế, trong cuộc sống một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ.

- **Chính xác** : là phản ánh trọn vẹn sự kiện, hiện tượng mà không thêm bớt, không bình luận, không đưa vào đó quan điểm, tình cảm của người đưa tin. Thông tin phải được kiểm chứng và có thể truy xuất một cách dễ dàng đến nguồn thông tin gốc của nó. Thông tin chính xác là thông tin không dối gạt, bóp méo sự thật vì mục đích cá nhân hay vụ lợi. Đây là cơ sở để xây dựng nên uy tín của cá nhân, đơn vị đưa tin. Nói rộng hơn, nó là cơ sở để xây dựng chữ TÍN hay niềm tin của xã hội. Niềm tin này phải được xây dựng lâu dài dựa trên một quá trình liên tục đưa tin chính xác, chỉ một lần đưa tin dối gạt cũng sẽ đánh

mất uy tín này.

- **Kịp thời** : thông tin phải được cung cấp càng nhanh càng tốt. Ngày nay, với sự phát triển của mạng lưới Internet, các tờ báo lớn trên thế giới đều có khả năng cập nhật tin tức hàng giờ, thậm chí là trực tiếp. Những sự kiện quan trọng xảy ra ở bất kỳ đâu trên thế giới, chỉ vài phút vài giờ sau là khắp nơi đều biết được. Chính sự kịp thời của các thông tin này, đã giúp ích rất nhiều cho các cộng đồng trên thế giới ngày nay. Chẳng hạn nhờ những tin tức cập nhật kịp thời về thiên tai, như : sóng thần, bão lũ, động đất... mà các cơ quan cứu trợ kịp thời có mặt để giúp đỡ và hỗ trợ các nạn nhân. Chính nhờ tính kịp thời này mà con người có thể phản ứng một cách chủ động với các hiện tượng, sự kiện, và hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại có thể xảy ra. Dưới các chế độ độc tài, thường những việc mà dư luận quốc tế biết đến và lên tiếng thì đã quá chậm trễ, và việc đã xảy ra rồi, hậu quả là to lớn.
- **Đầy đủ** : là sự phản ánh thông tin một cách nguyên vẹn, không thiếu sót. Đôi khi có một số nguồn tin chỉ cung cấp tin tức một phần nhằm phân tích theo một chủ đích nào đó, thông tin như thế không thể được xem là đúng đắn. Có một câu nói mà mọi người thường dùng để nhắc nhở về tính đầy đủ của thông tin là “một nửa cái bánh vẫn là cái bánh, nhưng một nửa sự thật thì không phải là sự thật”. Thông tin đầy đủ giúp người tiếp nhận có được cái nhìn toàn diện về vấn đề, để từ đó có những nhận định, đánh giá khách quan và xác thực hơn.

### 3. Một vài lời khuyên

Từ cơ sở của những tính chất cần thiết của một thông tin tốt, cũng như các tiêu chí để đánh giá đúng sai ở trên, bài viết cố gắng chỉ ra một số kinh nghiệm, phương pháp giúp mọi người dễ dàng hơn trong việc phân định được tính đúng/sai, thật/giả của các thông tin tiếp nhận.

- Thu thập càng nhiều nguồn thông tin liên quan đến vấn đề càng tốt : bằng cách này chúng ta có cơ hội đối chiếu, so sánh các nguồn tin khác nhau về cùng một vấn đề. Điều này giúp người tiếp nhận thông tin có cái nhìn toàn diện và bao quát, tạo cơ hội để hiểu sâu hơn vấn đề hoặc phát hiện được nguồn thông tin nào không đúng. Ở một số nơi, việc tiếp cận với nhiều nguồn thông tin còn rất khó khăn, nên tham khảo thêm ý kiến từ những người lớn tuổi để có thêm cơ sở cho sự đánh giá chính xác. Hy vọng với sự phát triển của KHKT, và toàn cầu hóa, mọi người ở khắp nơi trên thế giới sẽ sớm có cơ hội được bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn thông tin, tri thức.
- Xác định uy tín của người, cơ quan cung cấp thông tin : đây là một phương pháp dựa trên chữ TÍN. Mặc dù điều này không phải luôn đúng, nhưng nếu một người, cơ quan có uy tín, có quá trình lâu dài trong việc cung cấp thông tin trung thực, khách quan, thì đây có thể là một cơ sở để có thể tin là nguồn tin hiện tại là đúng.
- Xem xét mục đích của việc đưa tin : để tìm ra mục đích của một bản tin cũng cần phải có một cái nhìn tinh tế. Tuy

nhiên, nếu khéo léo, người tiếp nhận tin có thể biết được ý đằng sau của một bản tin, nếu đó là một mục đích tốt đẹp, vị tha, có tính xây dựng... thì có thể tin tưởng phần nào ở bản tin. Nhưng cái khó là phân biệt giữa mục đích tốt và xấu, vì đôi khi cái mục đích xấu vẫn có những diện mạo tốt đẹp và ngược lại.

- Xác định tính khách quan, công bằng của thông tin : để biết một thông tin là khách quan, công bằng, người tiếp nhận thông tin phải loại bỏ những nhận định, bình luận mang tính chủ quan, để giữ lại nội dung chính của thông tin. Ngoài ra, phải xem thông tin đó có được thu thập, kiểm chứng một cách khoa học không? Các phân tích có dựa trên một định kiến, chấp trước nào hay không? Người đưa tin có tôn trọng và yêu thích sự công bằng không?
- Đánh giá hình thức trình bày và thể hiện thông tin : qua hình thức trình bày của thông tin, người tiếp nhận thông tin có thể thấy được phần nào giá trị của nó. Khi xem xét một thông tin có trình bày rõ ràng hay không, có tính hệ thống hay không, có nhất quán hay không, có sai lỗi chính tả hay không, người tiếp nhận thông tin cũng đánh giá được mức độ nghiêm túc, cẩn thận của người đưa tin, từ đó quyết định xem có nên tin hay không.
- Đối chiếu với tiêu chí Chân, Thiện, Mỹ để đánh giá thông tin : nếu chưa thể xác định được một thông tin là đúng-sai, thật-giả dựa trên các biện pháp trên, cách cuối cùng là phải tự phán xét dựa trên hiểu biết và kinh nghiệm của bản thân. Một nguyên tắc chung của những điều đúng là

phải phù hợp với chân lý, bao gồm tính đúng, tốt và đẹp. Một thông tin phản ánh được sự thật, hay nhằm hướng xã hội, thế giới đến gần hơn với những tiêu chuẩn đạo đức tốt đẹp, phù hợp với luân lý và khát vọng của nhân loại thì có thể được xem là đúng, còn ngược lại là không đúng.

Tóm lại, những chỉ dẫn trên đây chỉ là một vài gợi ý và phương pháp để nhận định đúng-sai, thật-giả, điều này chỉ hữu ích phần nào chứ không phải là nguyên lý bất di bất dịch. Hiểu được tính tương đối của đúng-sai và sự giới hạn của phán đoán và trí tuệ thế gian, nên quan trọng là người tiếp nhận thông tin cần phải suy xét kỹ lưỡng, nhận định dựa trên chính sự hiểu biết của mình một cách khoa học, đối chiếu nghiêm túc, cời mở, thì mới xác định được một thông tin là đúng hay không.

Để kết thúc bài viết, xin nhắc một lời dạy của Đức Phật với các đệ tử<sup>3</sup>: “Các thầy đừng tin vào một điều vì truyền thống, vì nghe người ta nói, vì điều đó được tuyên thuyết bởi một đạo sư có uy tín, vì điều đó được mọi người tin tưởng và chấp nhận... mà hãy tin vào những gì mà các thầy đã suy xét kỹ lưỡng, những gì thật sự mang lại an vui và hạnh phúc cho chúng sanh”. Đúng vậy, mỗi người hãy tự dùng lý trí của mình để phân định đúng sai, thiện ác trong cuộc sống. Làm được như vậy cũng có thể xem là người có trí tuệ vậy!

---

<sup>3</sup> Kinh Kalamasutta (Tăng I, 213-216)

# BÀN VỀ TỰ DO HỌC THUẬT

## 1. Tổng quan

Ngày nay, khi bàn về cải cách giáo dục Đại học, mọi người thường nhắc đến nhiều yếu tố cần thiết cho sự phát triển của bậc học này, trong đó có yếu tố Tự do học thuật. Đây có thể được xem là một trong những yếu tố quan trọng nhất đảm bảo Đại học đi đầu trong việc nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới, mở rộng kho tri thức chung của nhân loại và góp phần định hướng cho sự phát triển của xã hội. Tuy nhiên, vì lịch sử phát triển của giáo dục Đại học Việt Nam thời hiện đại còn khá ngắn và đây lại là một khái niệm có nguồn gốc từ phương Tây, nên không phải ai cũng hiểu rõ về khái niệm này. Vì vậy, bài viết này muốn bàn luận vài nét về khái niệm Tự do học thuật nói chung, và liên hệ nó với bối cảnh cải cách giáo dục Đại học ở Việt Nam hiện nay.

Theo từ điển Bách khoa toàn thư Britannica, "Tự do học thuật là quyền tự do giảng dạy, học tập, và theo đuổi tri thức và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên mà không bị can thiệp vô lý hay bị giới hạn bởi luật pháp, các quy định của cơ sở giáo dục, hoặc áp lực của công chúng". Theo đó, những yếu tố cơ bản của tự do học thuật đối với giảng viên bao gồm quyền tự do trong việc tìm hiểu bất cứ chủ đề tri thức nào mà mình quan tâm, quyền trình bày những khám phá của mình cho sinh viên, đồng nghiệp, và những người khác biết, quyền công bố bằng cách xuất bản những số liệu và kết luận của mình mà không bị kiểm soát hay kiểm duyệt, và quyền giảng dạy theo cách mà mình thấy phù hợp về mặt chuyên môn;

Đối với sinh viên, đó là quyền tự do học tập và nghiên cứu những gì mình quan tâm và quyền đưa ra những kết luận của chính mình, cũng như quyền biểu đạt những ý kiến của mình. Nhiều trường Đại học nổi tiếng trên thế giới đã lấy Tự do học thuật như là một tiêu chí hàng đầu cho hoạt động của mình. Lấy ví dụ như ở Đại học Kyoto của Nhật Bản, nơi tôi đã từng du học trước đây, tinh thần Tự do học thuật rất được coi trọng, ở đó SV. và GV. có thể theo đuổi bất kỳ chủ đề nghiên cứu nào, miễn là nó có ý nghĩa và được cộng đồng khoa học công nhận. Ngoài ra, SV. cũng có thể tự do thành lập hay tham gia bất kỳ câu lạc bộ học thuật nào theo sở thích mà không bị cản trở bởi những lý do hành chính hay chính trị nào.

Tinh thần cốt lõi của Tự do học thuật là biến Đại học trở thành một môi trường lý tưởng cho học tập và nghiên cứu, ở đó chỉ có tri thức được tôn thờ. Mọi quan điểm, học thuyết, tư tưởng đều được nghiên cứu và trao đổi một cách nghiêm túc, thẳng thắn, cởi mở để tìm ra được những tri thức đúng đắn, nhằm ứng dụng vào cuộc sống, đóng góp vào sự phát triển của xã hội. Ở đó, không có khái niệm gọi là vùng cấm hay nhạy cảm không được đụng đến. Mọi tri thức đều phải được kiểm chứng và đánh giá dưới nhãn quan khoa học. Nói đến đây, tôi lại nhớ đến một câu truyện cổ ở phương Tây về Cây tri thức, trên đó có những trái cấm mà con người không được đụng vào, nếu chạm vào thì sẽ bị trừng phạt. Nhưng vì quá tò mò, nên loài người đã chạm vào những trái cấm đó, và ăn nó. Sau khi ăn, con người đã có được tri thức để có thể phân biệt được đúng-sai, phải-trái và thoát khỏi tình trạng

mông muội như trước đây. Theo câu truyện, sau đó, con người phải bị trừng phạt, nhưng có lẽ đó là cái giá phải trả để con người có thể tiếp cận được tri thức, vượt qua được sự ngu dốt vốn có và trở nên trưởng thành hơn. Cũng như vậy, hành trình đến với Tự do học thuật là tiến trình lâu dài và đầy gian khổ, nhưng nếu Tự do học thuật không được đảm bảo, thì con người không thể đến gần với chân lý và kho tàng tri thức của nhân loại không thể được phát triển như ngày nay.

## **2. Tự do học thuật trong bối cảnh Việt Nam**

Từ định nghĩa trên, đối chiếu với bối cảnh Việt Nam, ta nhận thấy nhiều quy định hiện nay của cơ quan quản lý nhà nước và các cơ sở giáo dục Đại học ở Việt Nam chưa đảm bảo nguyên tắc Tự do học thuật này. Tư duy quản lý ở Việt Nam từ trung ương đến cơ sở vẫn còn nặng về thủ tục hành chính theo kiểu "xin cho". Đại học ở Việt Nam chưa được xem là một đơn vị độc lập có quyền tự chủ về hoạt động giáo dục và nghiên cứu như ở các nước phát triển. Mọi vấn đề của đại học từ tuyển sinh, mở ngành, công nhận kết quả, cấu trúc chương trình, giáo trình, cách đánh giá, ngân sách hoạt động... đều phải thông qua Bộ GD-ĐT & các cơ quan quản lý nhà nước. Lấy ví dụ về quá trình tái thiết kế chương trình đào tạo ở trường ĐHBK TP.HCM theo mô hình CDIO, một mô hình tiên tiến về xây dựng CTĐT trên thế giới hiện nay. Thế nhưng, trong quá trình triển khai dự án tái thiết kế này, các thầy cô phụ trách đã gặp không ít khó khăn vì đụng phải những vùng cấm, những khối kiến thức lỗi thời, không còn giá trị, nhưng không được phép thay đổi, và phải giữ nguyên



trong cấu trúc chương trình vì những quy định cứng của Bộ GD-ĐT. Và còn rất nhiều vấn đề khác sẽ mãi mãi không thể cải tiến được trong giáo dục Đại học, nếu tư tưởng về Tự do học thuật chưa được tôn trọng bởi đội ngũ GV. Đại học và những người làm công tác quản lý giáo dục.

Trên thực tế, mô hình quản lý trói buộc như trên đã tỏ ra thiếu hiệu quả, và kiềm hãm sự phát triển của hoạt động giáo dục và NCKH. Điều này thể hiện cụ thể ở nhiều mặt, như: GV. không có hứng thú làm NCKH, chất lượng đào tạo thấp, năng lực của SV. tốt nghiệp không đáp ứng nhu cầu xã hội, và sản phẩm giáo dục thường bị đánh giá thấp bởi các doanh nghiệp sử dụng lao động... Hiện tượng thiếu tin tưởng của các bậc phụ huynh đối với hệ thống giáo dục trong nước khi cho con em đi "ty nạn giáo dục" ngày càng phổ biến, các biểu hiện tiêu cực trong ngành giáo dục ngày càng nhiều về số lượng và càng nghiêm trọng về bản chất... đều là những chỉ dấu cho thấy giáo dục Đại học Việt Nam hiện có quá nhiều vấn đề, và rơi vào tình trạng khủng hoảng toàn diện. Chính vì vậy, có sự đồng thuận rất lớn trong xã hội là cần phải có một cuộc cải cách toàn diện ngành Giáo dục. Phải thay đổi toàn bộ, từ triết lý giáo dục, tư duy quản lý, giáo trình, cách đánh giá, cho đến các chính sách cụ thể... mới mong có thể cải thiện chất lượng giáo dục và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, điểm then chốt nhất của đợt cải cách giáo dục này là phải tạo điều kiện để đảm bảo môi trường tự do học thuật cho các trường Đại học. Có như vậy, mới tạo ra những tiền đề căn bản và điều kiện cần thiết cho những thay đổi sâu rộng hơn trong ngành Giáo dục.

Một ví dụ gần đây về sự thiếu tự do học thuật trong môi trường Đại học Việt Nam đó là hiện tượng can thiệp thô bạo của cơ quan quản lý vào hoạt động học thuật qua "vụ án Nhã Thuyên". Một luận văn thạc sỹ của tác giả có bút danh là Nhã Thuyên đã được bảo vệ tại ĐH Sư Phạm Hà Nội, và đạt điểm xuất sắc cách đây 4 năm. Nay, đã bị đem ra đánh giá lại dưới lăng kính chính trị. Mặc dù, về mặt khoa học, hội đồng đánh giá lại cũng không chỉ ra được sai phạm nào về mặt lập luận, phương pháp, quá trình thu thập dữ liệu, cũng như cách phân tích của đề tài, nhưng kết quả cuối cùng là luận văn bị đánh rớt và văn bằng thạc sỹ bị thu hồi, chỉ vì luận văn nghiên cứu về một chủ đề nhạy cảm về mặt chính trị. Chủ đề nghiên cứu của luận văn là về khía cạnh văn hóa của phong trào đòi hỏi tự do trong sáng tác và xuất bản của nhóm "Mở miệng". Đây là một nhóm nhà văn/ nhà thơ tự do, chủ trương các tác phẩm văn học phải được tự do xuất bản và không bị kiểm duyệt bởi bất cứ ai. Họ đã lập ra nhà xuất bản "Giấy vụn" để xuất bản các tác phẩm của các thành viên trong nhóm, mà không phải thông qua sự kiểm duyệt của cơ quan kiểm soát văn hóa nhà nước. Gần đây, hoạt động của nhóm này cũng đã gây được sự chú ý của dư luận quốc tế, và một vài cây bút của nhóm đã được trao giải thưởng về tự do sáng tác và xuất bản. Có lẽ, đây là lý do chính mà luận văn của Nhã Thuyên đã bị đem ra "xét lại" một cách thô bạo và thiếu khoa học. Thực tế, điều này chỉ chứng tỏ môi trường giáo dục Đại học Việt Nam chưa thật sự có Tự do học thuật. Đại học chưa phải là thành trì vững chắc nhất cho những tâm hồn khát khao chân lý và là nơi bất khả xâm phạm để các nhà trí thức có thể yên tâm

ngiên cứu, sáng tạo mà không lo sợ "phạm húy" hay bị đem ra "đấu tố" một ngày nào đó. Nếu thực trạng này vẫn còn duy trì, thì mọi nỗ lực cải cách giáo dục đại học Việt Nam sẽ không đạt được kết quả như kỳ vọng của xã hội. Bởi, bỏ qua tự do học thuật, mọi vấn đề cải cách chỉ giải quyết được phần ngọn mà không chạm đến được phần gốc rễ, hay nguyên nhân cốt lõi của nó.

Tuy nhiên, cũng cần biết rằng đòi hỏi về tự do học thuật trong môi trường Đại học Việt Nam không có nghĩa là các sinh hoạt nghiên cứu, giảng dạy ở Đại học sẽ không bị trói buộc bởi bất kỳ điều gì. Đương nhiên, tự do học thuật cũng phải có giới hạn của nó, nhưng đó không phải là các giới hạn hành chính hay chính trị, mà là các giới hạn dựa trên các tiêu chí khách quan và khoa học. Thực tế, trong một môi trường tự do học thuật, các ràng buộc, như là: phương pháp làm việc khoa học, đạo đức nghiên cứu, đánh giá của đồng nghiệp... còn là những rào cản chặ chẽ và khó khăn hơn đối với những người làm công tác sáng tạo và NCKH thật sự.

Từ những nhận định trên, đòi hỏi các nhà giáo dục và những người làm công tác quản lý giáo dục ở Việt Nam cần phải suy nghĩ một cách nghiêm túc về cam kết của mình đối với Tự do học thuật. Liệu người Việt Nam có thực sự khao khát tri thức, và sẵn sàng tiếp cận tri thức bằng mọi giá hay không? Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để thay đổi những thói quen lâu nay trong cách nghĩ, cách làm của chúng ta, để có thể đảm bảo sự Tự do học thuật trong môi trường Đại học. Câu trả lời phải đến từ các nhà quản lý giáo dục, cộng đồng

GV., SV., các nhà nghiên cứu và những người làm công tác NCKH hiện nay ở Việt Nam. Cần nhớ rằng, để các ĐH. phương Tây đạt được mức độ tự do học thuật như ngày nay, đòi hỏi họ phải trải qua một thời gian dài để đấu tranh và chiến thắng các thế lực vô minh, phản khoa học, đến từ tôn giáo/ chính trị. Những thế lực mạnh mẽ này luôn muốn can thiệp vào sinh hoạt học thuật của môi trường ĐH và cản trở sự tự do học thuật đúng nghĩa.

Chỉ có một môi trường Tự do học thuật thật sự mới có thể đảm bảo Đại học làm tốt vai trò của nó trong thời đại tri thức, là cái nôi ươm mầm cho những đóa hoa tri thức, cho sự sáng tạo các tư tưởng mới và cho khát vọng vươn tới những chân trời tri thức mới lạ. Nếu thật tâm muốn thay đổi, chúng ta phải biết vượt qua những rào cản hiện tại, cho dù phải vượt qua bao gian khó, hiểm nguy, để có thể hái được trái cấm trên cây tri thức của nhân loại. Có như thế, thì Đại học mới có thể tạo ra những người trí thức đúng nghĩa, có năng lực sáng tạo, tự chủ, tự tin trong việc tìm kiếm tri thức và giải quyết các vấn đề đầy khó khăn và phức tạp mà thời đại đang đặt ra. Hy vọng, một ngày gần đây, "Tự do học thuật" sẽ là một cụm từ được hãnh diện ghi trong các Sứ mạng và Định hướng phát triển của các trường Đại học hàng đầu Việt Nam. Mong lắm thay!

Sài Gòn, 3/ 2014

# GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO TRẺ EM

## 1. Lời nói đầu “Mẫu chuyện PG cho Thiếu nhi-Tập 1”

Giáo dục con trẻ nên người là một trong những mục tiêu lớn lao của các bậc làm cha, làm mẹ. Tuy nhiên, việc dạy trẻ là một nhiệm vụ khó khăn, bởi cần phải có phương pháp phù hợp, nội dung phù hợp với khả năng tiếp thu của trẻ.

Một trong những phương pháp được các nhà giáo dục khuyến khích đó là sử dụng các câu chuyện có chọn lọc để chuyển tải các bài học về đạo đức. Từ đó, xây dựng cho trẻ sự tự hiểu biết và vun bồi những hạt giống thiện trong tâm hồn trẻ em.

Nhận thấy, kho tàng truyện cổ tích Phật giáo là một nguồn phong phú, có nhiều mẫu chuyện phù hợp để đọc cho trẻ nghe trước khi đi ngủ. Tuy nhiên, khi tìm kiếm các sách truyện Phật giáo hiện tại, số lượng sách chỉ dành cho thiếu nhi là rất ít. Đó chính là động cơ để tác giả thực hiện quyển sách này, là sưu tầm lại các mẫu chuyện Phật giáo đó đây, với tiêu chí là ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với suy nghĩ và tâm lý thiếu nhi.

Nội dung của quyển sách này là tập hợp các mẫu chuyện về cuộc đời và tiền thân Đức Phật, các lời dạy của Phật dành cho con trai La Hầu La và các đệ tử. Ngoài ra, còn có các mẫu chuyện ngụ ngôn, cổ tích về loài vật phù hợp với trẻ em. Hy vọng, quyển sách sẽ là công cụ hữu ích đối với các bậc phụ huynh trong việc dạy con, là phương tiện để ươm mầm

trí tuệ và yêu thương trong tâm hồn con trẻ. Mong rằng, nhờ quyển sách này những đóa hoa tình thương và hiểu biết sẽ nở rộ trong tương lai. Đó chính là mong mỏi của tác giả và các bậc phụ huynh. Rất mong nhận được các phản hồi, góp ý để bổ khuyết cho những lần in sau.

## **2. Lời nói đầu “Mẫu chuyện PG cho Thiếu nhi-Tập 3”**

Sau khi xuất bản tập 1 và 2 « Những mẫu chuyện Phật giáo dành cho thiếu nhi », tác giả đã nhận được nhiều phản hồi, góp ý tích cực và khuyến khích tiếp tục mở rộng các câu chuyện Phật giáo hướng tới các đối tượng thanh thiếu niên, lứa tuổi rất quan trọng trong việc truyền bá Phật pháp. Nhận thấy, tác dụng tích cực của những mẫu chuyện này không những đối với các em nhỏ ở bậc mầm non, thiếu nhi, mà còn có tác dụng tích cực đối với cả các vị phụ huynh trong việc học Phật và giáo dục con trẻ, tác giả đã mạnh dạn tiếp tục hoàn thiện tập 3, với mong muốn bổ túc những câu chuyện hay còn thiếu ở các tập trước. Tập này đề cập nhiều hơn đến chuyện tiền thân của Đức Phật, việc học, và ứng dụng Phật pháp ở tuổi thanh thiếu niên, cũng như các bài học ứng dụng gắn liền với cuộc sống học tập và vui chơi của các em.

Trung thành với mục tiêu ban đầu là giáo dục trẻ, nên các câu chuyện được chọn lọc trong tuyển tập này tiếp tục dựa trên tiêu chí ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu, phù hợp với tâm lý thanh thiếu niên. Đồng thời, thông qua những câu chuyện trong tập 3 này, các khái niệm Phật học căn bản cũng sẽ được giới thiệu, như : Vô thường, Vô ngã, Nhân quả, Nghiệp báo, Bố thí, Ngũ giới, Tịnh độ... Cuối mỗi câu chuyện đều có

phần Bài học liên hệ với những giáo lý căn bản của đạo Phật, sẽ giúp trẻ nhớ, hiểu rõ và có thể áp dụng những bài học này vào cuộc sống. Từ hiểu biết này, hy vọng trẻ có thể tự mình tìm đọc để hiểu thêm về Phật pháp và ứng dụng vào cuộc sống hàng ngày của mình ở trường và ở nhà.

Cấu trúc tập 3 được chia thành 4 phần, gồm: Chuyện tiền thân Đức Phật, Phật pháp và tuổi trẻ, Chuyện loài vật, và Phật pháp ứng dụng. Bên cạnh các câu chuyện gắn liền với Đức Phật và Phật pháp, một số truyện về loài vật, cổ tích Việt Nam cũng được đưa vào nhằm giúp các em cảm thấy vui thích qua các hình ảnh thân thương của các loài vật, giúp các em hiểu hơn về thế giới tự nhiên, cũng như phát triển lòng yêu thiên nhiên, và biết bảo vệ môi trường sống. Chúc các em nhỏ và các bậc phụ huynh có những niềm vui khi đọc cuốn sách này, và ứng dụng được những điều Phật dạy trong cuộc sống để gia đình luôn an lạc và hạnh phúc !

Nhân đây, cũng xin bày tỏ lòng biết ơn đối với các tác giả, tác phẩm, hình vẽ đã được sử dụng trong tuyển tập này, mà tác giả không có điều kiện liên lạc và xin phép. Xin gửi tặng món quà này đến mẹ, bà xã và các con, những người luôn bên cạnh động viên, và khuyến khích tôi hoàn thành tập sách này. Mong tiếp tục nhận được sự hưởng ứng từ các em thiếu nhi và các bậc phụ huynh đối với Những mẩu chuyện Phật giáo dành cho thiếu nhi tập 3 này. Rất mong nhận được các góp ý để bổ khuyết cho lần tái bản sau được hoàn thiện hơn. Mọi góp ý xin gửi về địa chỉ e-mail: [pqtrung@gmail.com](mailto:pqtrung@gmail.com)

### 3. Lời nói đầu “Thơ Phật cho Trẻ em”

Nhận thấy, lứa tuổi mầm non, thiếu nhi là lứa tuổi quan trọng nhất trong việc giáo dục, và xây dựng nhân cách đạo đức. Việc giáo dục đạo đức cho trẻ bằng các câu chuyện, bài văn, bài thơ hay là một trong những phương pháp giáo dục hiệu quả. Tuy nhiên, hiện nay, kho sách, truyện, thơ dành cho lứa tuổi này còn rất ít. Đặc biệt là các sách liên quan đến Phật giáo, thơ truyện Phật giáo dành riêng cho các bé là rất thiếu thốn. Vì vậy, tác giả đã mạnh dạn chọn lọc các bài thơ được trích từ bộ kinh Pháp cú, một bộ kinh nổi tiếng với những bài kệ ngắn gọn của Đức Phật dạy cho các đệ tử, và một số bài thơ khác về Phật pháp, để làm thành tuyển tập “Thơ Phật cho trẻ em” nhằm bổ sung phần khiếm khuyết đó.

Hy vọng tập thơ này sẽ góp phần hiệu quả vào việc ươm mầm Phật pháp nơi con trẻ. Tập thơ kỳ vọng góp thêm một viên gạch trong tủ sách Phật giáo dành cho thiếu nhi, là công cụ giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ, và góp phần phát triển xã hội sau này.

“Thơ Phật cho trẻ em” là tập hợp những bài thơ ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu, phù hợp với lứa tuổi thanh thiếu niên, nhi đồng. Tập thơ có cấu trúc gồm 2 phần: Phần A (Pháp Cú chọn lọc) là tập hợp các bài thơ được trích lọc từ Kinh Pháp Cú (Tiểu bộ Kinh), và Phần B (Các bài thơ khác) là những bài thơ ngắn gọn về chủ đề Phật học ứng dụng, thích hợp với trẻ em. Các chủ đề căn bản về đạo đức và Phật pháp được đề cập khá đa dạng, nhưng gắn liền với cuộc sống hằng ngày ở trường và ở nhà của các em, như: kết bạn, siêng năng, hiếu



thảo, từ bi, trí tuệ, nhân quả, thiện ác... Những vần thơ mộc mạc, trong sáng và có ý nghĩa sẽ giúp các em trong việc học, hiểu và ứng dụng Phật pháp vào cuộc sống.

Các em sẽ hiểu, nhớ và ứng dụng được những lời Phật dạy một cách dễ dàng qua những vần thơ đơn giản, như: “Hãy chọn bạn mà chơi/ Bạn xấu chó dại dột/ Hãy kết thân bạn tốt/ An lạc và thanh thoi” (Kết bạn tốt); “Tập nói lời ái ngữ/ Không giận hờn, sân si/ Thiện tâm xin gắng giữ/ Phần nộ chẳng được gì” (Không giận); “Chiến thắng bản thân mình/ Là chiến công đẹp nhất” (Tự thắng mình); hay “Niềm tin vào lẽ phải/ Vào chân lý không hai/ Thiện phải luôn thắng ác/ Niềm tin đó không lay” (Sáng một niềm tin)...

Hy vọng tập thơ sẽ giúp các vị phụ huynh và các em nhỏ có được những giây phút bên nhau thật ý nghĩa, vừa học, vừa chơi, và huân tập được các hạt giống Phật. Từ đó, góp phần phát triển đạo đức qua việc rèn luyện những ý nghĩ, lời nói, và hành động đẹp, đúng theo lời Phật dạy. Trên cơ sở sống đạo đức và ứng dụng Phật pháp, mỗi người chúng ta có thể tạo dựng được an vui và hạnh phúc trong cuộc sống gia đình ngay hiện tại.

Chân thành cảm ơn sự hỗ trợ từ các tác giả, tác phẩm, các nguồn tư liệu, hình vẽ được sử dụng mà chưa có điều kiện trực tiếp xin phép trích dẫn. Rất mong vì mục tiêu hoằng pháp mà quý vị hoan hỷ bỏ qua cho. Xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, người thân, các thiện hữu tri thức đã là nguồn động viên, góp ý, khuyến khích để tập thơ này được ra đời. Xin chân thành cảm ơn tất cả!

Vì đây là lần đầu tiên ra mắt, nên tập “Thơ Phật cho trẻ em” chắc cũng không tránh được thiếu sót. Rất mong được quý vị độc giả góp ý, để tập thơ được hoàn thiện hơn trong lần tái bản sau. Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về địa chỉ e-mail: [pqtrung@gmail.com](mailto:pqtrung@gmail.com)



# HẠN CHẾ CỦA ĐỘI NGŨ QUẢN LÝ GDĐH & BIỆN PHÁP

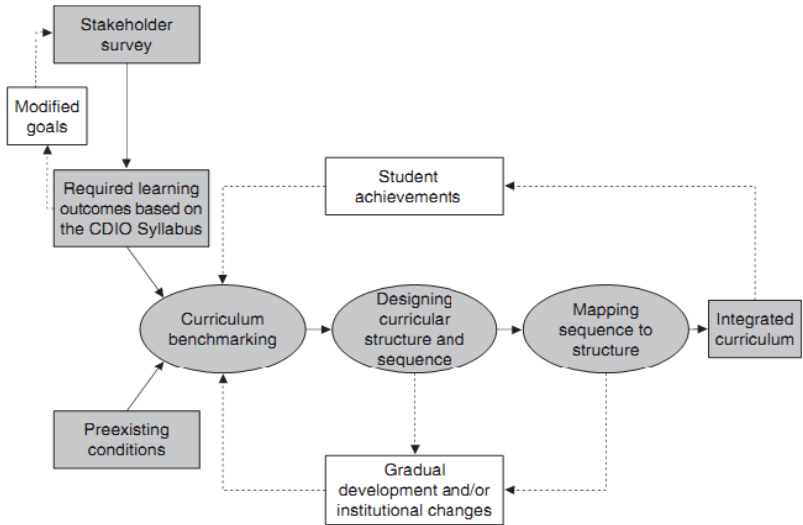
## 1. Giới thiệu

Hiện nay, việc cải tiến chất lượng giáo dục đào tạo nói chung, và nâng cao chất lượng giáo dục Đại học nói riêng đang trở thành một trong những nhu cầu cấp bách để đáp ứng nhu cầu nhân lực ngày càng cao, góp phần phát triển đất nước. Chính vì vậy, Bộ GD-ĐT đã xem cải cách chất lượng đào tạo như một nhiệm vụ trọng tâm của ngành, và quá trình cải cách giáo dục cũng ảnh hưởng lớn đến nhiều đối tượng và thu hút sự quan tâm của toàn xã hội. Trong giáo dục đại học, quá trình quản lý đào tạo là một công việc có nhiều thách thức đặt ra đối với cán bộ quản lý, đặc biệt khi các trường phải cạnh tranh, nâng cao chất lượng trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa. Vì vậy, tìm hiểu các công việc của quá trình quản lý đào tạo, những hạn chế cơ bản của đội ngũ quản lý, để từ đó đề ra hướng khắc phục những hạn chế này là rất cần thiết. Bài viết này sẽ tập trung thảo luận những vấn đề trên, dựa trên những kiến thức đã học ở lớp NVSP-K37 tổ chức tại trường ĐHBK, và những kinh nghiệm thực tế giảng dạy và làm công tác quản lý của bản thân học viên. Hy vọng những điều thảo luận sẽ là cơ sở cho những nghiên cứu sâu hơn về chủ đề này, góp phần vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, cải cách giáo dục và phát triển đất nước.

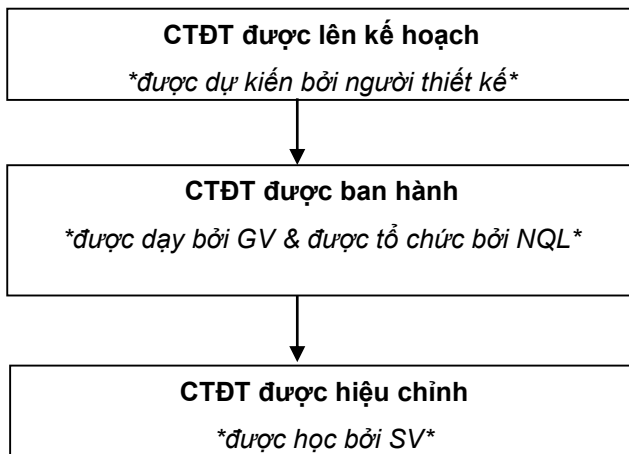
## 2. Các công việc quản lý quá trình đào tạo

Quản lý quá trình đào tạo là tổ chức, điều khiển và theo dõi quá trình đào tạo người học trở thành người có năng lực theo mục tiêu đào tạo. Như vậy, công tác quản lý quá trình đào tạo cần : (1) làm rõ mục tiêu đào tạo, (2) thiết kế chương trình đào tạo, (3) tổ chức quá trình đào tạo, và (4) theo dõi kết quả, đánh giá phản hồi từ các phía để đảm bảo chuẩn đầu ra.

Hiện tại, khoa Quản lý Công nghiệp (QLCN) thuộc ĐHBK Tp.HCM đã và đang áp dụng cách tiếp cận CDIO để cải tiến CTĐT. Cách tiếp cận này đảm bảo 4 bước trên của quản lý quá trình đào tạo, bao gồm: Nhận thức (C) tương ứng với bước (1), Thiết kế (D) tương ứng với bước (2), Triển khai (I) và Vận hành (O), tương ứng với bước (3) và (4) ở trên. Theo tiếp cận này, khoa sẽ thu thập phản hồi từ các phía có liên quan, như: sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên, doanh nghiệp, chuyên gia giáo dục... nhằm nhận thức (C) về hiện trạng đào tạo, nhu cầu xã hội. Từ đó, làm cơ sở để thiết kế (D) CTĐT đáp ứng chuẩn đầu ra, và tiến hành Triển khai (I) và Vận hành (O) quá trình dạy và học tại khoa QLCN theo CTĐT đã thiết kế. Ngoài ra, việc cải tiến liên tục cũng được áp dụng nhằm đảm bảo CTĐT của khoa QLCN luôn cập nhật theo thay đổi của xã hội và đảm bảo chất lượng của SV tốt nghiệp. Một cách cụ thể, dựa trên mô hình phát triển CTĐT theo CDIO của Trường ĐHBK, ĐHQG Tp.HCM ban hành năm 2010, khoa QLCN đã xây dựng CTĐT của mình theo nguyên lý CDIO. Hình vẽ sau tóm tắt quá trình xây dựng CTĐT theo cách tiếp cận CDIO hiện đang được áp dụng ở khoa QLCN.



Hình 3. Quy trình phát triển CTĐT khoa QLCN theo CDIO



Hình 4. Tiến trình phát triển CTĐT của khoa QLCN (Prideaux, 2003)

Tuy nhiên, để CTĐT được phát triển một cách toàn diện, khoa QLCN đã sử dụng cách tiếp cận hoàn diện dần CTĐT theo phản hồi từ nhiều phía như được tóm tắt trong hình trên.

Tóm lại, để đảm bảo CTĐT được cải tiến liên tục theo phản hồi từ các phía trong suốt quá trình vận hành, khoa QLCN đã đề ra lộ trình cải tiến liên tục CTĐT của mình theo từng năm và theo chu kỳ 3-5 năm. Lộ trình này có thể tóm tắt trong các bước sau:

- a) Xây dựng chiến lược đánh giá CTĐT đồng thời với thiết kế nội dung từng môn học.
- b) Việc đánh giá CTĐT được tiến hành đều đặn hàng năm, hoặc tiến hành đột xuất theo yêu cầu từ Trường, HĐKH Khoa và từ các giảng viên. CTĐT được đánh giá đồng thời về nội dung và phương pháp triển khai.
- c) Việc đánh giá từ SV, cựu SV, doanh nghiệp được dùng như là các ưu tiên để cải tiến CTĐT. Dựa trên các đánh giá này, CTĐT đã được cải tiến hàng năm, tối đa lên đến 10% thay đổi (kể từ 2008).
- d) Kể từ 2008, sau mỗi 3-5 năm, CTĐT được điều chỉnh lớn một lần (>10%).
- e) Tiến trình đánh giá và các thay đổi trong CTĐT phải được lập biên bản và thông báo đến HĐKH khoa, bộ môn, và các giảng viên trong khoa.

Ngoài việc tập trung vào cải tiến và thiết kế CTĐT, cán bộ quản lý quá trình đào tạo cũng cần phải chú ý đến toàn bộ quá trình đào tạo để đảm bảo chất lượng đầu ra theo mục tiêu thiết kế. Các công tác quản lý cần phải được lưu ý trong suốt quá trình đào tạo gồm:

- Thiết kế chương trình đào tạo (cập nhật đề cương, giáo trình, phương pháp... theo phản hồi từ các phía, và theo tiếp cận từ dưới lên). Theo dõi, nhắc nhở trong quá trình đào tạo để đảm bảo GV. thực hiện đúng theo đề cương đã được thiết kế.
- Phân công giảng dạy (cân bằng khối lượng, thỏa mãn nhu cầu, năng lực, có kế hoạch trước...). Tạo điều kiện, hỗ trợ GV. trong quá trình đào tạo, kịp thời điều chỉnh phân công khi có vấn đề phát sinh.
- Theo dõi quá trình giảng dạy (lên lớp, hướng dẫn, công tác GVCN, ra đề thi, coi thi, nộp điểm...). Cần cho GV. một mức độ tự chủ nhất định trong công việc của mình, chỉ nên theo dõi kết quả sau cùng.
- Thu thập ý kiến phản hồi về môn học định kỳ, và sử dụng kết quả này cho việc nâng cao chất lượng đào tạo. Nên lưu ý mức độ tin cậy của dữ liệu thu thập, và sử dụng kết quả này một cách thận trọng.
- Các yếu tố khác có ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo cũng cần được lưu tâm cải tiến: cơ sở vật chất, môi

trường tự học, thư viện, phòng lab, công tác sinh viên, NCKH, hoạt động đoàn hội...

### **3. Các khó khăn & hạn chế của đội ngũ CBQL đào tạo ở trường ĐH**

Từ thực tiễn làm công tác giảng dạy và quản lý ở khoa QLCN, ĐHBK Tp.HCM, đồng thời, kết hợp với những quan sát, thảo luận, trao đổi với các đồng nghiệp, bạn hữu, sinh viên ở các khoa và trường khác, người viết nhận thấy có một số khó khăn, hạn chế cơ bản của đội ngũ các bộ quản lý ở các trường Đại học trong công tác quản lý đào tạo như sau:

- a) Thiếu tính tự chủ trong công tác quản lý: Đối với CBQL cấp Khoa/ BM., việc tự chủ trong sử dụng nguồn lực, đặc biệt về tài chính, là còn hạn chế. Hơn nữa, các khoa/BM. cũng có ít không gian tự chủ trong việc tuyển dụng, điều chỉnh nhân sự theo yêu cầu công việc, mà thường phải mất nhiều thời gian, theo quy trình hành chính, giấy tờ.
- b) Thu nhập vẫn chưa xứng đáng với công sức và trách nhiệm: Đây là một trong những hạn chế chung của cả hệ thống giáo dục Việt Nam. Đối với GV. trẻ, thu nhập thấp luôn là vấn đề báo động ở môi trường ĐH, gây khó khăn cho việc thu hút và giữ chân người giỏi. Ở cấp bậc QL, so với các ngành nghề khác, thu nhập của CBQL ở các trường ĐH cũng vẫn ở mức trung



bình thấp, chưa xứng đáng với chi phí đầu tư cho giáo dục bậc cao, cũng như trách nhiệm mà CBQL phải giữ.

- c) Chưa được đào tạo chuyên sâu về quản lý giáo dục: Đa số các CBQL đều xuất thân từ những giảng viên giỏi, những người có thành tích trong giảng dạy và NCKH được đề bạt lên vị trí quản lý, mà không qua đào tạo chính quy về quản lý giáo dục. Điều này đôi khi sẽ góp phần làm cho trường/khoa mất đi một GV, nhà nghiên cứu giỏi, và có thêm một CBQL tồi, thiếu năng lực.
- d) Sự kiêm nhiệm và thiếu chuyên trách của đội ngũ CBQL: Hiện nay, phần lớn CBQL ở cấp trưởng/phó khoa/ bộ môn vẫn kiêm nhiệm nhiều công tác khác nhau. Điều này dẫn tới sự quá tải và thiếu chuyên trách trong công việc. Hơn nữa, trong quy chế chi tiêu nội bộ của một số trường, yêu cầu giảng dạy đối CBQL cấp bộ môn và khoa vẫn lên đến 70-80% khối lượng công việc. Với yêu cầu này, CBQL muốn đáp ứng thì không thể dành nhiều thời gian cho công tác quản lý được.
- e) Còn nặng về quản lý hành chính, hơn là truyền cảm hứng và định hướng chiến lược: Chính vì áp lực công việc hành chính sự vụ quá nhiều, nên nhiều CBQL.

chỉ bận rộn xoay quanh những công tác hành chính, vụn vặt, mà không có thời giờ tập trung vào việc xây dựng kế hoạch chiến lược để phát triển đơn vị, và lãnh đạo tập thể trong việc phát triển chuyên môn và định hướng đào tạo. Hơn nữa, tư duy nhiệm kỳ cũng góp phần làm hạn chế tầm nhìn dài hạn của CBQL.

#### 4. Một số biện pháp khắc phục

Từ những nhận xét trên, một số biện pháp cũng như định hướng để khắc phục các khó khăn, trở ngại đối với CBQL đào tạo ở các trường ĐH được tóm tắt trong bảng sau:

*Bảng 1. Một số biện pháp khắc phục khó khăn trong QL đào tạo ở ĐH*

<b>Hạn chế</b>	<b>Nguyên nhân</b>	<b>Giải pháp</b>
Thiếu tính tự chủ trong công tác quản lý	Công tác tổ chức & phân cấp quản trị chưa tốt.	Nên phân chia quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng theo từng cấp bậc quản lý. Trên cơ sở đó, giao quyền tự chủ cho CBQL, cải tiến đánh giá hiệu quả công việc và phân phối thu nhập cho phù hợp.
Thu nhập vẫn chưa xứng đáng		
Chưa được đào tạo chuyên sâu về quản lý giáo	Công tác quy hoạch quá chú trọng vào năng	Nên cải tiến quy hoạch nhân sự, tuyển dụng, bổ nhiệm và đào tạo. Cần

đục	lực chuyên môn.	chú trọng năng lực quản lý của đội ngũ kế thừa hơn là năng lực chuyên môn. Tổ chức đào tạo thêm về năng lực quản lý giáo dục khi có nhu cầu.
Sự kiêm nhiệm và thiếu chuyên trách	Công tác nhân sự chưa có kế hoạch dài hạn, và thủ tục hành chính còn phức tạp.	Cần có kế hoạch nhân sự dài hạn, xây dựng chiến lược chung của trường và riêng của từng đơn vị. Ứng dụng ISO/ CNTT để cải cách quy trình vận hành, giảm thời gian giải quyết sự vụ, tăng thời gian hoạch định và định hướng.
Còn nặng về quản lý hành chính		

## 5. Kết luận

Tóm lại, công tác quản lý quá trình đào tạo ở các trường ĐH là một nhiệm vụ thách thức, đòi hỏi CBQL phải hiểu rõ các bước của quá trình đào tạo. Trong đó, bốn bước chính gồm: xác định mục tiêu đào tạo; thiết kế CTĐT; tổ chức quá trình đào tạo; theo dõi & đánh giá kết quả đào tạo. Quá trình này cần gắn liền với hoạt động cải tiến liên tục để đảm bảo tính cập nhật của chương trình và tính cạnh tranh của nhà trường. Ở Việt Nam, CBQL đào tạo thường gặp phải những hạn chế,

như: thiếu tự chủ, thu nhập thấp, thiếu năng lực quản lý, kiêm nhiệm, và nặng về hành chính. Nhận thấy, nguyên nhân chính của các hạn chế trên gồm: phân cấp quản trị chưa tốt, quy hoạch nhân sự chỉ dựa trên chuyên môn, và thủ tục hành chính chưa hiệu quả. Từ đó, một số giải pháp cũng được đề xuất để khắc phục các hạn chế trên. Hy vọng, những ý kiến này sẽ góp phần làm rõ những khuyết điểm, và gợi ý những cải tiến cho công tác quản lý giáo dục đại học ở Việt Nam trong tương lai.

### **Tài liệu tham khảo**

1. AUN. (2011). Guide to AUN Actual Quality Assessment at Programme Level. ASEAN University Network.
2. Crawley, E.F. (2001). The CDIO Syllabus A Statement of Goals for Undergraduate Engineering Education. MIT.
3. Khoa QLCN (2014). Báo cáo tự đánh giá theo chuẩn kiểm định AUN-QA. Tài liệu nội bộ khoa QLCN, ĐHBK Tp.HCM.
4. Lê Chi Lan & Đỗ Đình Thái. (2017). Phát triển chương trình và Tổ chức quá trình đào tạo, Tài liệu môn học lớp NVSP-K37-ĐHBK.
5. Phạm Quốc Trung & Nguyễn Mạnh Tuân. (2016). Đánh giá CTĐT và cải tiến liên tục: Tình huống triển khai CDIO tại khoa QLCN, Báo cáo khoa học Hội nghị CDIO 2016 (ĐHQG-TP.HCM) – Tp.HCM, Việt Nam
6. Prideaux, D. (2003). Curriculum design. BMJ, 326, 268

# HỌC CÁCH CÙNG CHUNG SỐNG

## 1. Giới thiệu

Với sự phát triển của Internet và xu hướng toàn cầu hóa, thế giới ngày càng trở nên nhỏ lại và sự gắn kết giữa các cộng đồng, quốc gia, khu vực càng trở nên chặt chẽ hơn. Tuy nhiên, công nghệ hay tự do hóa thương mại không tự nhiên mang lại lợi ích và không thể phát huy tác dụng nếu con người không biết cách cùng chung sống hòa bình với nhau. Nhìn vào bức tranh thế giới ngày nay, chúng ta thấy những khác biệt về tôn giáo, sắc tộc, quan điểm chính trị, văn hóa... ở nhiều mức độ và phạm vi khác nhau vẫn còn hiện diện, đôi khi dẫn đến xung đột, và nguy cơ chiến tranh, khủng bố, loạn lạc vẫn có khả năng tiếp diễn. Điều này khiến con người chưa thể chung sống an lạc với nhau. Những thách thức này đòi hỏi con người hiện đại phải học và trang bị cho mình một kỹ năng rất quan trọng, đó là kỹ năng có thể cùng chung sống hòa bình với mọi người xung quanh mình.

Khi bàn đến mục tiêu của việc học, mọi người thường nghĩ đến 4 mục tiêu mà tổ chức Unesco đã nêu ra, đó là: Học để biết, Học để làm, Học để thành người, và Học để cùng chung sống. Quả nhiên, bốn mục tiêu này rất tổng quát và đã bao quát toàn bộ những gì mà một người nên học. Lúc trước, tôi thường nghĩ rằng "Học để thành người" là khó nhất và phải là mục tiêu sau cùng của việc học, nhưng Unesco lại sắp "Học để cùng chung sống" ở vị trí sau cùng, phải chăng đây mới là mục tiêu khó nhất mà việc học cần hướng tới. Sau này, càng suy ngẫm, tôi càng thấy việc sắp xếp này thật hay và ý

nghĩa. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày nay, việc học để thành người đúng nghĩa đã khó, mà việc học để có thể chung sống hòa bình với mọi người xung quanh lại càng khó hơn, và nó mới đúng là mục đích sau cùng của một đời người, và mới làm cho sự hiện diện của chúng ta trong cuộc đời này thêm phần ý nghĩa. Trong bài viết này, chúng ta cùng bàn luận về 2 mục tiêu sau cùng của việc học theo phân loại trên, và phân tích vì sao việc học để cùng chung sống lại khó khăn và quan trọng hơn đối với xã hội hiện đại ngày nay.

## 2. Học để thành người

Trước tiên, cùng tìm hiểu về mục tiêu "học để thành người". Rõ ràng đây là một mục tiêu rất quan trọng của việc học, bởi suy cho cùng, mọi kiến thức học được đều giúp chúng ta trưởng thành về mặt tư duy, hiểu biết và hoàn thiện về mặt nhân cách. Một người đúng nghĩa là người biết phân biệt phải trái, đúng sai, có tư duy độc lập, và tự chịu trách nhiệm về những lời nói, hành động của mình. Như vậy, mục tiêu quan trọng của việc học là để con người có thể trở thành phần Người (viết hoa), và khác biệt với phần Con, chỉ biết sống theo bản năng, của các loài vật.

Để trở thành con người đúng nghĩa, đòi hỏi một cá nhân phải có hiểu biết nhất định, có óc tư duy đánh giá về sự vật hiện tượng, biết cách ứng xử cho phù hợp với vị trí của mình trong xã hội. Nói chung, ngoài kiến thức và khả năng tư duy, người đó phải biết cách đối nhân, xử thế, tuân thủ những quy định về pháp luật, và không vi phạm những quy tắc đạo đức cơ bản... Để đạt được mục tiêu này, nhà trường không chỉ cung

cấp cho người học tri thức chuyên môn, mà còn phải dạy dỗ cho học trò về lễ nghi, quy tắc, và rèn luyện đạo đức của người học theo một chuẩn mực chung. Đó là lý do vì sao ở các trường học thường gặp khẩu hiệu "Tiên học lễ, hậu học văn" là vậy. Ngày nay, các trường phổ thông ở Việt Nam có vẻ xem nhẹ việc dạy lễ (cách ứng xử), mà đặt nặng việc dạy văn (kiến thức), nên nhiều học sinh dù đã tốt nghiệp phổ thông vẫn chưa được coi là trưởng thành, đạo đức, nhân cách chưa hoàn thiện, và cách ứng xử còn nhiều khiếm khuyết. Điều này khiến cho mục tiêu "học để trở thành người" chưa được thực hiện trọn vẹn. Chính vì vậy, các phong trào đổi mới, cải cách giáo dục gần đây thường đòi hỏi các trường phải chú trọng giảng dạy nhiều hơn các kỹ năng sống, thái độ ứng xử, quy tắc đạo đức, khả năng tư duy, suy nghĩ phê phán... Bởi đó chính là những yếu tố rất quan trọng cho bài học làm người.

### **3. Học cách cùng chung sống**

Học để trở thành một người đúng nghĩa đã khó, nhưng học để biết cách cùng chung sống hòa bình với mọi người xung quanh còn khó hơn gấp bội. Bởi, ngày nay, con người không thể sống độc lập một mình, mà cuộc sống hiện đại đòi hỏi phải tương tác, làm việc với rất nhiều người khác nhau trong xã hội. Chính vì vậy, mỗi người cần phải trang bị cho mình những hiểu biết về thế giới xung quanh, biết công việc của mình và của người khác, biết cách phối hợp, cộng tác với nhau trong công việc. Nói chung, để có thể chung sống an lạc, hài hòa với mọi người xung quanh, mỗi người phải biết

tôn trọng sự khác biệt, và phải biết cách ứng xử linh hoạt, phù hợp với mỗi người, mỗi hoàn cảnh.

Điểm then chốt của việc chung sống an lạc là phải biết cố gắng tránh gây tổn hại đến môi trường, hay người khác, vì ai trong cuộc sống cũng mong muốn có cuộc sống an lành, hạnh phúc. Hơn nữa, không những hạn chế hành động, lời nói gây tổn hại đến mọi người, mà cần phải còn cố gắng tập nói lời ái ngữ, và nếp sống vị tha, để mang lại an vui, lợi lạc cho những người xung quanh.

Như vậy, ta thấy rằng học cách cùng chung sống khó hơn học để trở thành người bởi nó không chỉ đòi hỏi khả năng tư duy, và chịu trách nhiệm với bản thân, mà nó còn đòi hỏi mỗi người phải rèn luyện một đầu óc cởi mở, biết chấp nhận sự khác biệt, có năng lực phán đoán và ứng xử phù hợp với quy chuẩn của cộng đồng mà mình sống, để tránh/ hạn chế gây tổn hại đến người khác. Đương nhiên, để chung sống hài hòa với mọi người và với môi trường xung quanh, một người trước tiên cần phải học để trở thành người đúng nghĩa. Bởi vì, một người phải biết sống có trách nhiệm với bản thân mình trước thì mới có thể chung sống một cách có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Do đó, học cách cùng chung sống với mọi người trong xã hội mới là cái học khó khăn nhất.

Ngoài ra, nếu nhìn sâu vào ý nghĩa của một đời người, ai cũng thấy rằng con người không nên chỉ sống ích kỷ một mình, mà cuộc sống chỉ có ý nghĩa khi con người biết đóng góp cho sự an lạc, yên vui và hạnh phúc của gia đình và xã



hội. Học kỹ năng cùng chung sống an lạc với mọi người và biết tôn trọng, giữ gìn môi trường sống sẽ giúp con người cảm thấy đời sống của mình có ý nghĩa hơn.

Trong nhà Phật, có khái niệm tương sinh, tương tức (interbeing), có nghĩa là cuộc sống của mỗi người đều có mối tương quan và liên hệ chặt chẽ với nhau. Sự an lạc, hạnh phúc của một người sẽ ảnh hưởng và chịu chi phối bởi sự yên bình và hạnh phúc của cộng đồng và xã hội xung quanh. Cái thấy này giúp mỗi người hiểu được sự liên đới giữa mọi người, mọi vật, và vì vậy, cần phải cẩn trọng trong lời nói, hành động của mình để tránh gây tổn hại đến người khác hay môi trường xung quanh. Cở sở quan trọng cho việc chung sống hạnh phúc theo nhà Phật chính là sự thấu hiểu và cảm thông. Có thấu hiểu những khổ đau, bất hạnh của con người, thì mình mới dễ dàng cảm thông, tha thứ, và bỏ qua những lỗi lầm, những lời nói khó nghe mà người kia đã nói/ gây ra cho mình. Để hiểu được hoàn cảnh và cách ứng xử của người khác, ta cần phải hiểu về nền văn hóa, truyền thống tâm linh, lý tưởng mà họ theo đuổi...

Hơn nữa, không những hiểu mà còn phải biết chấp nhận và dung hòa sự khác biệt. Ai cũng thường cho rằng tôn giáo của mình là nhất, chủ nghĩa mà mình tin tưởng là số một... và như thế, mình sẽ không thể hiểu và chấp nhận được tôn giáo khác, chủ nghĩa khác. Đây chính là nền tảng của tư tưởng dân chủ trong xã hội hiện đại. Muốn chung sống an lạc, cần phải biết xã hội là đa dạng, phải biết yêu cái đẹp của tự nhiên với muôn loài, vạn sắc. Phải thấy rằng bông hoa dù xanh, đỏ,

tím, vàng... đều đẹp và đều mang lại hương thơm cho đời. Tôn giáo nào cũng hướng con người đến điều thiện, chủ thuyết nào cũng chỉ nhằm xây dựng xã hội tốt đẹp hơn... vậy tại sao không thể có cái nhìn bao dung với nhau hơn?

Ngày xưa, có một người hỏi đức Phật, tôn giáo nào cũng nói mình là số một, vậy con biết tin theo ai đây? Phật bèn trả lời, con hãy khoan vội tin mà hãy tự dùng trí tuệ của con để đánh giá và phán đoán về sự hay dở, tốt xấu của một tôn giáo hay triết lý, nếu nó dạy những điều tốt đẹp và mang lại sự an vui, hạnh phúc thì con hãy tin theo. Chính vì tinh thần cởi mở và không cố chấp mà các quốc gia theo Phật giáo đều có sự hòa hợp giữa các tôn giáo.

#### **4. Làm thế nào để học cách cùng chung sống**

Ở phạm vi cá nhân, việc học cách cùng chung sống giúp con người có thể sống an vui, hòa hợp, và cộng tác hiệu quả với mọi người xung quanh. Đây chính là những kỹ năng rất quan trọng trong xã hội hiện đại, bởi xã hội đang chuyển dần sang xã hội tri thức, ở đó, công nghệ và tính chất công việc ngày càng phức tạp, đòi hỏi mọi người phải cộng tác với nhau mới có thể giải quyết được. Đó là lý do vì sao, ở các trường Đại học ngày nay, kỹ năng cộng tác và làm việc nhóm ngày càng được đề cao và đưa vào chương trình giảng dạy, bởi nó rất cần thiết cho sự thành công của một cá nhân trong xã hội tri thức hiện đại.

Một trong những yêu cầu quan trọng để có thể cộng tác, làm việc nhóm hiệu quả đó là phải biết lắng nghe, đặc biệt là biết

lắng nghe những ý kiến khác biệt, trái chiều. Con người ta thường chỉ thích nghe những gì thuận tai, phù hợp với quan điểm của mình, hoặc là lời khen ngợi... mà khó có khả năng nghe những lời nghịch nhĩ, những quan điểm, ý kiến khác biệt, trái chiều hay phê phán. Chính vì vậy, để có thể chung sống hòa hợp và cộng tác tốt với mọi người xung quanh, điều đầu tiên cần học tập chính là rèn luyện khả năng lắng nghe, và biết chấp nhận những quan điểm khác biệt. Trên cơ sở lắng nghe, thảo luận và tranh luận thẳng thắn, những chân lý, sự hiểu biết đúng đắn mới có thể đạt được, từ đó, mọi người mới có thể hiểu rõ vấn đề, và cộng tác cùng nhau để làm cho xã hội ngày một tiến bộ hơn. Đó chính là cơ sở bền vững của việc chung sống an lạc và xây dựng một cộng đồng biết sống an bình, hạnh phúc.

Gần đây, một môn học mới là "Giao tiếp trong môi trường đa văn hóa" được giới thiệu và bổ sung thêm vào chương trình của các trường ĐH, để cung cấp cho SV. hiểu biết về cách ứng xử và suy nghĩ trong những nền văn hóa khác nhau, từ đó, có thể thích nghi và cộng tác hiệu quả trong môi trường làm việc toàn cầu ngày nay.

Ở phạm vi quốc gia/cộng đồng, việc sống chung an lạc đòi hỏi mọi quốc gia/cộng đồng phải tuân theo những quy tắc, luật pháp chung. Chẳng hạn, những hiệp ước thương mại quốc tế, những bộ quy tắc ứng xử, công pháp quốc tế... là những tiêu chuẩn mà các quốc gia, cộng đồng có thể dựa vào đó mà vận hành. Nếu có bất đồng thì cần dựa vào các cơ chế trọng tài, tòa án quốc tế tương ứng để phân xử. Điều quan

trọng là các quốc gia/ cộng đồng cần phải tôn trọng những cam kết đã ký và không nên có những hành động đơn phương gây tổn hại đến các quốc gia/cộng đồng khác.

Gần đây, tranh chấp biển Đông giữa Trung Quốc và các nước trong khu vực Đông Nam Á đang là tâm điểm chú ý của thế giới. Rõ ràng, mâu thuẫn giữa các quốc gia càng dâng cao khi Trung Quốc đơn phương cải tạo các bãi đá thuộc quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, mà Trung Quốc đã chiếm được từ tay Việt Nam và Phillipin trong những năm trước đó. Ngạo mạn hơn, Trung Quốc còn vạch ra đường 9 đoạn để xác nhận phân biển và đảo bên trong là thuộc về chủ quyền của mình. Phán quyết của tòa trọng tài PCA bác bỏ tính hợp pháp của đường lưỡi bò 9 đoạn, cũng như bác bỏ các tuyên bố chủ quyền và đặc quyền kinh tế đối với các mỏ đá mà Trung Quốc chiếm được và ra sức cải tạo gần đây, đã chứng minh tính vô lý của các tuyên bố đó. Thực trạng này cho thấy thách thức rất lớn đối với các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á khi muốn chung sống hòa bình với người hàng xóm hung hăng và không biết lý lẽ. Có lẽ, Trung Quốc nên học lại bài học về cùng chung sống, nếu không, thì cộng đồng quốc tế cần phải dạy cho Trung Quốc để hiểu về nguyên tắc này. Người TQ cần phải học cách "sống và để người khác sống với". Nếu anh ý mạnh hiếp yếu, bất chấp công pháp quốc tế, bất chấp lý lẽ để gây ra tổn hại cho môi trường và bất ổn cho cộng đồng xung quanh, trước sau gì anh cũng sẽ lãnh hậu quả. Cộng đồng quốc tế và các quốc gia Đông Nam Á cần liên kết lại để bắt buộc TQ tuân theo luật chơi chung của thế giới, nếu không thì cần phải đi học phổ cập lại về cách phân biệt

đúng sai, và học cách cùng chung sống. Một mình Việt Nam hay Philipine thì không đủ sức để đối chọi với một nước TQ hung hăng, bạo ngược. Nhưng cộng đồng các quốc gia ĐNÁ cùng với sự hỗ trợ của các nước tiến bộ trên thế giới thì hoàn toàn có thể dạy cho TQ một bài học làm người tử tế, họ cần phải biết cách chung sống hòa bình trong cộng đồng thế giới ở thế kỷ 21 này.

Như vậy, rõ ràng việc học cách cùng chung sống là một mục tiêu quan trọng và cực kỳ quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Xu thế công nghệ và tự do thương mại đang làm cho thế giới trở nên nhỏ hơn, con người ở nhiều nền văn hóa khác nhau có thể đến gần nhau và làm việc cùng nhau trên nền tảng Internet. Chính vì vậy, các trường học ngày nay nên chú trọng tới việc dạy cho học sinh, sinh viên các kỹ năng để có thể chung sống với mọi người xung quanh.

Để đạt được mục tiêu này, mỗi cá nhân cần phải là người đúng nghĩa, tức là có tư duy độc lập, biết nhận định đúng sai và có trách nhiệm với bản thân mình. Kế đó, mỗi người cần phải có hiểu biết về cộng đồng xung quanh và có ý thức sống có trách nhiệm bảo tồn thiên nhiên, tránh gây tổn hại đến mọi người, và mang lại an vui, hạnh phúc cho xã hội. Nếu một quốc gia mà mọi công dân đều thấm nhuần bài học làm người và biết cách cùng chung sống thì quốc gia đó cũng sẽ trở thành một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng thế giới. Ngoài ra, thế giới cũng phải đoàn kết với nhau để trừng trị kẻ xấu, và dạy cho những quốc gia chưa biết sống chung về bài học quan trọng này. Nếu làm được như vậy, cảnh chiến

tranh sẽ sớm tắt và viễn cảnh một cộng đồng thế giới chung sống hòa bình, an lạc là có thể hiện thực. Mong sao mọi nơi trên thế giới đều hưởng được cảnh thái bình, và mọi người đều có thể chung sống an vui, hạnh phúc!

7/ 2016 – PQT



# VAI TRÒ CỦA TRÍ THỨC VÀ NCKH TRONG NỀN KINH TẾ TRÍ THỨC

## 1. Công nhân tri thức – nguồn tài nguyên vô giá

Khái niệm công nhân tri thức (knowledge worker) hay còn gọi là công nhân cổ trắng, để chỉ đến những người lao động trí óc nói chung, như là: nhân viên văn phòng, quản lý, chuyên gia... Khái niệm này đã được Peter Drucker, cha đẻ của quản trị học hiện đại, đề cập đến từ rất sớm (1960), để phân biệt với công nhân cổ xanh hay người lao động chân tay. Điểm khác biệt chủ yếu của công nhân tri thức là công cụ lao động chính là kiến thức nằm trong đầu và năng lực tư duy của họ. Theo dự báo của ông, lực lượng công nhân tri thức sẽ ngày càng tăng về số lượng và đóng vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế thế giới. Ngày nay, khi kinh tế thế giới chuyển dịch sang nền kinh tế tri thức (hậu công nghiệp), cùng với đà phát triển của công nghệ và mức độ toàn cầu hóa, thì những dự báo trên là hoàn toàn chính xác. Ngày nay, các quốc gia cạnh tranh với nhau một cách gay gắt trong việc thu hút lực lượng công nhân tri thức, hay đội ngũ chất xám đến làm việc và đóng góp cho sự phát triển của nền kinh tế nước mình. Ở các nước đang phát triển như Việt Nam, do môi trường lao động chưa phù hợp, nên thường có hiện tượng chảy máu chất xám, tức là sự ra đi của lực lượng lao động có tay nghề và trình độ cao.

Về định nghĩa, có một khái niệm gần gũi hơn để chỉ người công nhân tri thức đối với người Việt Nam, đó là kẻ sĩ,

hay các nhà trí thức. Trí thức là tầng lớp mà nhà cầm quyền nào cũng phải xem trọng, vì ngoài việc tốn công phu đào tạo dài ngày (tốn kém ngân sách nhà nước, ngân sách gia đình, mỗi cá nhân...) còn là bộ mặt ngoại giao, chính trị... của một đất nước. Muốn biết chính sách hoặc tiềm năng một quốc gia như thế nào, người ta cũng quan tâm đến sự đãi ngộ hoặc việc sử dụng tầng lớp trí thức ra sao ?

Do đó vai trò của người trí thức hết sức quan trọng đối với xã hội, một phần của khuôn mặt bang giao quốc tế. Mặt khác, xã hội ta, từ xưa rất chuộng sự học, nó trở thành truyền thống, đạo thống của dân ta. Ngày xưa các cụ trọng sự học đến nỗi thấy tờ giấy có viết chữ (chữ nho), dặn con cháu không được bước qua, bước qua là bất kính là không bao giờ học giỏi được... Kê sĩ còn sống trong lòng người dân, cầm nắm thế đạo nhân tâm, là khuôn vàng thước ngọc của sự mẫu mực, là người âm thầm lãnh đạo cả một mặt trận văn hoá từ các tác phẩm lớn của nền văn chương bác học, đồng thời cũng là đồng tác giả các truyện khuyết danh, vô danh, văn chương bình dân... thâm thấu trong mọi tầng lớp nhân dân. Trừ những người đã nổi tiếng, phần lớn họ là những chiến sĩ vô danh, sống âm thầm trong bóng tối, nhưng nuôi dưỡng cho dân chúng bao tình cảm cao đẹp, lòng yêu nước, ý chí quật cường, tinh thần cách mạng...

- **Về định nghĩa trí thức**

Trí thức hay Intellectuel (tiếng Pháp) hay intellectual (tiếng Anh) trong từ điển vốn là một tính từ, còn danh từ gốc của nó là intellect (trí tuệ, trí thông minh).



Theo lịch sử, danh từ “trí thức” ra đời sau, gắn liền với một sự kiện chống bất công, còn “người trí thức” ra đời khi xã hội thừa nhận danh từ này.

Có nhiều định nghĩa trí thức, rất dễ tìm trên internet. Do vậy, khi bàn về trí thức thường người ta phải xác định khái niệm trước khi bàn tiếp. Dẫu vậy, vẫn có thể phân chia các định nghĩa hiện hành thành 2 nhóm: nhóm chặt chẽ (rất hữu dụng khi bàn vấn đề ở bình diện triết lý, gồm cả thiên chức, nhiệm vụ trí thức đối với nhân quần, xã hội) và nhóm thông dụng (để dùng rộng rãi trong đời sống, dễ hiểu với trình độ chung). Một cách chặt chẽ, trí thức phải là người: (1) Sáng tạo những giá trị tinh thần. Mức độ sáng tạo cho phép tách ra những trí thức lớn, tầm cỡ nhân loại; và (2) Chỉ tôn thờ những giá trị tinh thần vĩnh hằng: Chân, Thiện, Mỹ. (Nguồn : <http://chungta.com/>)

- **Đặc tính của trí thức**

Từ cái gốc này, do đặc trưng lao động, trí thức có những phẩm chất, tính cách nhất định – không bẩm sinh và cũng không phải là độc quyền của trí thức. Ví dụ, để sáng tạo, trí thức phải có một cái vốn tri thức cao hơn mặt bằng chung (đã dành) nhưng quan trọng là phải bổ sung suốt đời (để sáng tạo tiếp). Điều này rất tương đối, vì mặt bằng dân trí mỗi thời một khác. Hơn nữa, trí thức phải là người ham học hỏi và xem việc tiếp nhận, chia sẻ và đóng góp vào kho tri thức của nhân loại là công việc và bổn phận của mình. Việc tiếp thu kiến thức/thông tin mới phải gắn liền với khả năng suy nghĩ và nghiên cứu độc lập của mỗi người. Người

trí thức là người có khả năng tiếp cận và áp dụng tri thức một cách tích cực, chủ động và hiệu quả trong từng phạm vi hoạt động cụ thể của mình.

Do tôn thờ chân lý, trí thức chỉ tin những gì đã được chứng minh đầy đủ và do đó bảo vệ sự thật đến cùng. Khám phá ra chân lý là hạnh phúc cao nhất, do vậy họ có yêu cầu bức xúc công bố và đòi hỏi được công bố (Galilê bị cấm công bố “quả đất tròn”). Tuy quyết bảo vệ kết quả nghiên cứu bằng tranh luận, nhưng trí thức cũng sẵn sàng nhận sai lầm, từ bỏ niềm tin, nếu có chứng minh đầy đủ – từ đó họ đòi hỏi tự do tư tưởng, tự do ngôn luận... Tôn thờ cái tốt (thiện), trí thức rất nhạy cảm khi cái xấu lộ hành (ví dụ bất công, áp bức, hạn chế tự do, dân chủ giả hiệu...). Can đảm là một tính cách của trí thức: dám nói ra và dám bảo vệ chân lý. Không Từ nói nho sĩ phải là người đủ ba phẩm chất: có trách nhiệm cao, có lòng tự trọng và dũng cảm. Ngoài tài năng, giới trí thức xưa còn được ca ngợi là “phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất” (giàu sang không làm mê muội, nghèo khổ không làm lay chuyển, uy vũ không khuất phục nổi).

Chính do được tôn vinh, trí thức cũng có “thật” và “giả” vì có những người muốn được tôn vinh bằng công sức tối thiểu. Một xã hội có quá nhiều trí thức “giả” là xã hội thoái hoá và hỗn loạn, vì thứ “giả” này sẽ chiếm những địa vị cao, ảnh hưởng lớn, kể cả có quyền cho phép nhiều loại “giả” khác phát triển.

## 2. Vai trò giáo dục & NCKH trong nền kinh tế tri thức

- **Giáo dục & NCKH trong nền kinh tế thế giới**

Theo Stiglitz, một nhà kinh tế lớn của World Bank, tri thức đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo phúc lợi xã hội. Ông ta còn đề nghị cần phải xem xét các vấn đề phát triển kinh tế dưới góc nhìn tri thức, ở đó, giáo dục đóng một vai trò dẫn dắt cho sự phát triển. Trong nền kinh tế tri thức đó, sáng tạo là cực kỳ quan trọng, vì vậy các doanh nghiệp nhỏ có thể cung cấp những nền tảng cho sự đổi mới của xã hội tốt hơn nhiều so với các doanh nghiệp to lớn công kênh.

Trong nền kinh tế tri thức, các doanh nghiệp không chỉ nhận thấy tầm quan trọng của nghiên cứu phát triển, mà họ còn thấy rằng việc nhanh chóng đưa các sản phẩm mới ra thị trường còn quan trọng hơn nhiều. Vì vậy, để nhân mạnh sự kết nối giữa hoạt động nghiên cứu khoa học (tìm ra tri thức mới) và hoạt động sản xuất kinh doanh (biến tri thức thành sản phẩm trên thị trường), các tổ chức đã đặt lại tên của bộ phận Nghiên cứu & Phát triển (R&D) thành Nghiên cứu, Phát triển & Thương mại hóa (R&D&C), hoặc Khoa học, Công nghệ & Dự án (S&T&P). Sự chuyển đổi này càng cho thấy tốc độ ngày càng tăng của việc tạo ra tri thức mới và đưa tri thức vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngày nay, với sự tiến bộ của công nghệ, và yêu cầu cạnh tranh của thị trường toàn cầu, tốc độ đưa ra thị trường của các thế hệ công nghệ mới được rút ngắn một cách đáng kể.

Ngày nay, nước ta đang tiến hành công cuộc công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước để theo kịp đà phát triển của thế giới, việc nâng cao vị thế đất nước để hội nhập với xu hướng phát triển chung của nhân loại trong nền kinh tế tri thức là một nhu cầu vô cùng cấp bách. Điều này, đòi hỏi những chính sách đúng đắn của chính phủ trong việc phát huy các điểm mạnh hiện tại, khắc phục những yếu kém, bắt cập trong hai lĩnh vực Giáo dục và KHKT, tiếp tục phát triển hơn nữa hạ tầng cơ sở và CNTT để tạo thuận lợi cho các yếu tố khác phát triển.

Trong thời đại tri thức, hơn lúc nào hết, Việt Nam cần phải tạo được môi trường thuận lợi cho Giáo dục đào tạo và NCKH, để từ đó nâng cao trình độ giáo dục chung của toàn dân. Chính phủ và ngành giáo dục cần chú trọng vào việc tạo ra và đáp ứng đủ nhu cầu về đội ngũ kỹ sư, công nhân tri thức, khoa học gia có đủ chất lượng, có khả năng tiếp thu tri thức của thế giới, ứng dụng vào thực tiễn công việc, sáng tạo và đóng góp và kho tàng tri thức chung của nhân loại.

Ngoài ra, các nhà làm chính sách phải tạo được chế độ sử dụng và đãi ngộ hợp lí với đội ngũ lao động tri thức, bất kể nguồn đào tạo, nhà nước phải thể hiện thực tâm giữ và thu hút người tài, dù ở ngoài nước hay trong nước, vào những dự án, chương trình lớn của quốc gia. Làm được như vậy, Việt Nam đã chuẩn bị cho mình những điều kiện rất tốt để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, đồng thời đưa đất nước vào quỹ đạo phát triển chung của thế giới trong thế kỷ 21.

- **Giáo dục trong bối cảnh Việt Nam**

Nền giáo dục đại học ở nước ta đã trải qua nhiều lần cải cách, tuy nhiên các mô hình và phương pháp giáo dục vẫn chưa có nhiều thay đổi mang tính đột phá. Người ta vẫn thấy hình ảnh ông thầy đến lớp, làm nhiệm vụ truyền bá kiến thức, và sinh viên đến lớp lắng nghe, ghi chép... Những hoạt động này lặp đi lặp lại như một cái máy, khiến cho việc dạy và học thiếu hẳn tính sáng tạo, sinh động cần có. Mặc dù, người thầy có chú trọng sử dụng những kỹ thuật truyền thụ nhằm tạo ra những phản ứng tích cực nơi người học, và sinh viên cố gắng đến lớp đầy đủ để tiếp thu kiến thức, nhưng hiệu quả đạt được vẫn không cao, vì cả thầy và trò đều tách rời những gì được học, được dạy ra khỏi thực tế sinh động của cuộc sống. Thậm chí có những môn học mang tính chất lý thuyết đơn thuần, hoặc nội dung quá lạc hậu so với thực tế, khiến cho người học không thấy được những ứng dụng và ý nghĩa thực tiễn của môn học.

Gần đây, nhiều trường đại học đã và đang cố gắng tìm ra những hướng đi mới dựa theo các phương pháp giáo dục ở các nước tiên tiến, chẳng hạn : tăng các giờ trao đổi, thực tập ngoại khóa, các buổi seminar về những đề tài có liên quan đến môn học, cho sinh viên đi khảo sát thực tế rồi báo cáo, sử dụng phương tiện Internet trong tìm kiếm thông tin, tri thức... Những chuyển biến này làm phong phú hơn các nguồn cung cấp tri thức cho sinh viên, tạo được hứng thú trong công tác học tập, giảng dạy... mặc dù chưa nhiều và chưa phổ biến, nhưng đã phần nào tích lũy các thay đổi về

lượng, tạo những tiền đề cơ bản để chuẩn bị cho những thay đổi về chất của giáo dục đại học ở nước ta sau này. Tuy nhiên để có những thay đổi tích cực và mạnh mẽ hơn đòi hỏi phải có một sự định hướng rõ rệt từ phía nhà nước, sự thay đổi trong nhận thức của các nhà làm công tác giáo dục, và ý thức của tất cả mọi người về một nhu cầu đổi mới toàn diện, để có một phương pháp giáo dục đại học tiến bộ, phù hợp với hoàn cảnh nước ta, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

Suy cho cùng, việc giáo dục bắt đầu từ con người, và nhằm phục vụ con người, vì vậy mọi cải cách giáo dục đại học cần lấy con người làm động lực chính, là tiêu chuẩn của mọi hoạt động khoa học. Có như vậy, các phương pháp đề ra mới tạo được sự phát triển hài hòa giữa con người – tự nhiên – xã hội, tạo nên sự phát triển toàn diện và bền vững. Nhiều nghiên cứu về QLTT gần đây cũng chỉ ra vai trò quan trọng của con người trong việc sáng tạo ra tri thức, cũng như tìm kiếm và sử dụng tri thức nhằm nâng cao hiệu quả công việc, từ đó nâng cao năng suất của cá nhân và tổ chức.

- **Tự do học thuật để thúc đẩy NCKH ở Việt nam**

Tinh thần cốt lõi của Tự do học thuật là biến Đại học trở thành một môi trường lý tưởng cho học tập và nghiên cứu, ở đó chỉ có tri thức được tôn thờ. Mọi quan điểm, học thuyết, tư tưởng đều được nghiên cứu và trao đổi một cách nghiêm túc, thẳng thắn, cởi mở để tìm ra được những tri thức đúng đắn, nhằm ứng dụng vào cuộc sống, đóng góp vào sự phát triển của xã hội. Ở đó, không có khái niệm gọi là vùng cấm

hay nhạy cảm không được đụng đến. Mọi tri thức đều phải được kiểm chứng và đánh giá dưới nhãn quan khoa học.

Từ định nghĩa trên, đối chiếu với bối cảnh Việt Nam, ta nhận thấy nhiều quy định hiện nay của cơ quan quản lý nhà nước và các cơ sở giáo dục Đại học ở Việt Nam chưa đảm bảo nguyên tắc Tự do học thuật này. Tư duy quản lý ở Việt Nam từ trung ương đến cơ sở vẫn còn nặng về thủ tục hành chính theo kiểu "xin cho". Đại học ở Việt Nam chưa được xem là một đơn vị độc lập có quyền tự chủ về hoạt động giáo dục và nghiên cứu như ở các nước phát triển. Mọi vấn đề của đại học từ tuyển sinh, mở ngành, công nhận kết quả, cấu trúc chương trình, giáo trình, cách đánh giá, ngân sách hoạt động... đều phải thông qua Bộ GD-ĐT & các cơ quan quản lý nhà nước.

Trên thực tế, mô hình quản lý trói buộc như trên đã tỏ ra thiếu hiệu quả, và kiềm hãm sự phát triển của hoạt động giáo dục và NCKH. Điều này thể hiện cụ thể ở nhiều mặt, như: GV. không có hứng thú làm NCKH, chất lượng đào tạo thấp, năng lực của SV. tốt nghiệp không đáp ứng nhu cầu xã hội, và sản phẩm giáo dục thường bị đánh giá thấp bởi các doanh nghiệp sử dụng lao động... Hiện tượng thiếu tin tưởng của các bậc phụ huynh đối với hệ thống giáo dục trong nước khi cho con em đi "tỵ nạn giáo dục" ngày càng phổ biến, các biểu hiện tiêu cực trong ngành giáo dục ngày càng nhiều về số lượng và càng nghiêm trọng về bản chất... đều là những chỉ dấu cho thấy giáo dục Đại học Việt Nam hiện có quá nhiều vấn đề, và rơi vào tình trạng khủng hoảng toàn diện.

Chính vì vậy, hiện nay đã có sự đồng thuận rất lớn trong xã hội là cần phải có một cuộc cải cách toàn diện ngành Giáo dục. Phải thay đổi toàn bộ, từ triết lý giáo dục, tư duy quản lý, giáo trình, cách đánh giá, cho đến các chính sách cụ thể... mới mong có thể cải thiện chất lượng giáo dục và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, điểm then chốt nhất của đợt cải cách giáo dục này là phải tạo điều kiện để đảm bảo môi trường tự do học thuật cho các trường Đại học. Có như vậy, mới tạo ra những tiền đề căn bản và điều kiện cần thiết cho những thay đổi sâu rộng hơn trong ngành Giáo dục.

Để phát triển trong nền kinh tế tri thức, Đại học cần phải là thành trì vững chắc nhất cho những tâm hồn khát khao chân lý và là nơi bất khả xâm phạm để các nhà trí thức có thể yên tâm nghiên cứu, sáng tạo mà không lo sợ "phạm húy" hay bị đem ra "đấu tố" một ngày nào đó. Nếu thực trạng thiếu tự do học thuật vẫn còn duy trì, thì mọi nỗ lực cải cách giáo dục đại học Việt Nam sẽ không đạt được kết quả như kỳ vọng của xã hội. Bởi, bỏ qua tự do học thuật, mọi vấn đề cải cách chỉ giải quyết được phần ngọn mà không chạm đến được phần gốc rễ, hay nguyên nhân cốt lõi của nó.

Từ những nhận định trên, đòi hỏi các nhà giáo dục và những người làm công tác quản lý giáo dục ở Việt Nam cần phải suy nghĩ một cách nghiêm túc về cam kết của mình đối với Tự do học thuật. Liệu người Việt Nam có thực sự khao khát tri thức, và sẵn sàng tiếp cận tri thức bằng mọi giá hay không? Câu hỏi đặt ra là làm thế nào để thay đổi những thói quen lâu nay trong cách nghĩ, cách làm của chúng ta, để có



thể đảm bảo sự Tự do học thuật trong môi trường Đại học. Câu trả lời phải đến từ các nhà quản lý giáo dục, cộng đồng GV., SV., các nhà nghiên cứu và những người làm công tác NCKH hiện nay ở Việt Nam. Cần nhớ rằng, để các ĐH. phương Tây đạt được mức độ tự do học thuật như ngày nay, đòi hỏi họ phải trải qua một thời gian dài để đấu tranh và chiến thắng các thế lực phản khoa học, đến từ tôn giáo/ chính trị. Những thế lực mạnh mẽ này luôn muốn can thiệp vào sinh hoạt học thuật của môi trường ĐH và cản trở sự tự do học thuật đúng nghĩa.

Chỉ có một môi trường Tự do học thuật thật sự mới có thể đảm bảo Đại học làm tốt vai trò của nó trong thời đại tri thức, là cái nôi ươm mầm cho những đóa hoa tri thức, cho sự sáng tạo các tư tưởng mới và cho khát vọng vươn tới những chân trời tri thức. Nếu muốn thay đổi, chúng ta phải biết vượt qua những rào cản hiện tại, để có thể hái được trái cấm trên cây tri thức của nhân loại. Có như thế, Đại học mới có thể tạo ra những người trí thức đúng nghĩa, có năng lực sáng tạo, tự tin trong việc tìm kiếm tri thức và giải quyết các vấn đề đầy khó khăn và phức tạp mà thời đại đang đặt ra.

# HỌC LÀM VIỆC NHỎ ĐỂ XÂY DỰNG XÃ HỘI VĂN MINH

## 1. Giới thiệu

Ai trong chúng ta cũng mong muốn sống trong một xã hội văn minh, tiến bộ. Nhưng, thế nào là một xã hội văn minh? Câu hỏi tuy đơn giản nhưng cũng thật khó để trả lời một cách đầy đủ. Tuy nhiên, có những điểm chung mọi người đều nhận thấy ở xã hội văn minh, đó là, môi trường sống luôn sạch sẽ, con người biết tôn trọng kỷ cương phép nước, ứng xử giữa con người với nhau thân thiện, mọi người có hiểu biết và có ý thức hướng đến lợi ích chung. Để đạt được một môi trường sống lý tưởng như trên, đòi hỏi cả quá trình dài để thay đổi từ nhận thức của cá nhân, chỉnh sửa các thiết chế quản lý xã hội, đến hình thành thói quen và phong cách sống của cả xã hội. Bao giờ thì Việt Nam mới trở thành xã hội văn minh?

Khi quan sát hiện tình xã hội Việt Nam, tôi nhận thấy có nhiều vấn đề cần phải khắc phục để đất nước có thể phát triển và tiến gần hơn với mục tiêu Dân giàu, Nước mạnh, Xã hội Công bằng, Văn minh. Tuy nhiên, không thể một sớm một chiều có thể trở thành một nước văn minh được, nếu chúng ta không bắt tay vào việc thay đổi xã hội ngay từ bây giờ, và từ những điều tưởng như nhỏ nhặt nhất. Vì vậy, thay vì kêu gọi, hô hào xuyên suốt, chúng ta hãy cùng nhau chọn ra những việc nhỏ, dễ thực hiện nhất để bắt đầu công cuộc cải cách đất nước theo chiều hướng tiến bộ.

## 2. Một số việc nhỏ cần học và làm

Dưới đây là một số việc đơn giản, mà theo quan sát của cá nhân tôi, có thể thực hiện ngay, ở cả phạm vi cá nhân và tập thể, nhưng có tác dụng rất lớn đến tiến trình chuyển hóa tích cực của đất nước ta trong tương lai.

*1/ Giữ gìn vệ sinh chung:* Nhìn tấm gương của Singapore, ta thấy, họ rất quan tâm đến vấn đề này. Không những tác động vào ý thức người dân, mà họ còn chú trọng đến quá trình vận hành hệ thống thu gom, xử lý rác, cũng như việc phạt thật nặng những người xả rác bừa bãi. Tuy đây là việc nhỏ, nhưng nó rất quan trọng để giáo dục mọi người về ý thức tôn trọng môi trường sống, một tài nguyên chung của xã hội. Một người bỏ rác bừa bãi, tuy chẳng đáng kể, nhưng nhiều người cùng làm vậy, thì cả thành phố trở nên một thùng rác lớn, rất dơ và ảnh hưởng đến tất cả mọi người trong thành phố đó. Để đạt được mục tiêu này, ta cần chú trọng giáo dục trẻ em từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường để việc bỏ rác đúng nơi quy định trở thành thói quen. Người lớn cần phải có ý thức làm gương, và đôi khi, cũng cần học tập từ trẻ em về thói quen giữ gìn vệ sinh chung. Cũng cần hoàn thiện hệ thống thu gom và xử lý rác thải. Lắp đặt thêm nhiều thùng rác ở các khu công cộng. Ngoài ra, cần vai trò của các tổ dân phố, CA. khu vực, dân phòng... trong việc nhắc nhở người dân bỏ rác đúng giờ giấc và đúng nơi quy định. Có hình thức xử phạt thật nặng đối với những người vi phạm nhiều lần. Ở Việt Nam, hiện nay, vẫn có những người cố ý bỏ rác sang nhà người khác, cho các loại thú cưng đi chơi và

phóng uế trên đường phố, vất tàn thuốc lá bừa bãi, tiểu bậy, hoặc móc bọc làm vương vãi rác... đã góp phần làm bản môi trường sống và gây ảnh hưởng cho nhiều người xung quanh. Một hình thức phạt bằng đánh đòn đã được Singapore áp dụng, tuy chỉ có ý nghĩa biểu tượng, nhưng lại có tác dụng giáo dục khá tốt. Hình thức này cũng có thể xem xét để áp dụng ở Việt Nam.

*2/ Biết quan tâm, chia sẻ với cộng đồng:* Một xã hội văn minh đòi hỏi con người phải biết quan tâm đến lợi ích chung của cộng đồng, biết chia sẻ khó khăn của người khác. Ở nước ta, tinh thần tương thân, tương ái, và hỗ trợ cộng đồng đã có truyền thống từ lâu và cũng được xem là điểm tích cực gắn kết mọi người trong tình làng, nghĩa xóm. Tuy nhiên, với quá trình đô thị hóa, ý thức này đã mai một ở một bộ phận xã hội, đặc biệt là ở giới trẻ, cần phải được khôi phục lại. Những biểu hiện quan tâm đến mọi người và môi trường sống xung quanh sẽ giúp nâng cao chất lượng cuộc sống, chẳng hạn như: cùng làm sạch đường phố, nhắc nhở mọi người không câu cá ở nơi công cộng, bảo vệ cây xanh, ngăn việc lấp sông, phá rừng, đóng góp cho việc xây cầu, cống, làm đường... Ở các nước phát triển, mọi người được khuyến khích tham gia vào các xã hội dân sự, là những hội, đoàn được lập ra một cách tự nguyện và tự vận hành mà không có sự can thiệp của nhà nước. Xã hội dân sự được xem là một trụ cột của các nước dân chủ vì nó góp phần ổn định và cân bằng các mối quan hệ trong xã hội: Nhà nước–Doanh nghiệp–Công dân. Để đạt mục tiêu này, cần có khung pháp lý về việc lập hội và gia nhập hội. Nhà nước cần góp phần

thúc đẩy sự phát triển của các tổ chức phi chính phủ, các đoàn thể quan tâm tới mục tiêu dân sinh, thiện nguyện, hoặc các hội nhóm sở thích... Các đoàn thể tôn giáo cũng có thể được xem là một phần của xã hội dân sự, nên được khuyến khích để tự do phát triển. Bên cạnh sự tham gia của các tổ chức đoàn thể dân sự, nhà nước cũng cần chú ý đến các chính sách hỗ trợ các đối tượng dễ tổn thương trong xã hội, như: người nghèo, già cả, neo đơn, khuyết tật... Ở Nhật Bản, có các phương tiện để hỗ trợ người tàn tật như: các đường phố đều có một làn gạch màu vàng đắp nổi dành cho người mù có thể tự đi lại ; các ngã tư đèn đỏ đều có thêm tín hiệu âm thanh ; các lối vào các tòa nhà, bến xe luôn có đường dành cho người đi xe lăn...

*3/ Tôn trọng pháp luật:* Đây là điểm quan trọng để đánh giá mức độ trưởng thành của một cộng đồng, xã hội. Ở xã hội phát triển, pháp luật khá hoàn thiện và được cả xã hội tuân theo như là một khế ước tập thể, nó góp phần điều chỉnh hành vi của mọi người trong xã hội. Ở một quốc gia kém phát triển, luật pháp thường không đầy đủ và không được tuân thủ nghiêm ngặt bởi mọi người trong xã hội. Nhìn lại nước ta, truyền thống “phép vua thua lệ làng” từ xưa đã cho thấy sự thiếu tuân thủ chặt chẽ pháp luật. Một câu nói nổi tiếng vẫn thường được nhắc đến để mô tả thực trạng pháp luật không được tôn trọng ở nước ta, đó là “nước ta có một rừng luật, nhưng thực tế chúng ta vẫn dùng luật rừng”. Nhìn vào xã hội, ta thấy rất nhiều hiện tượng vi phạm kỷ luật chung xảy ra hằng ngày, như: không chịu xếp hàng, vượt đèn đỏ, chạy trường, chạy công việc, chạy dự án, và cả chạy án... Vì vậy,

để nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, chúng ta cần thực hiện song song 2 việc: (1) Cần cải cách hoạt động lập pháp, rà soát và hoàn thiện khung pháp lý, sao cho, các vấn đề phát sinh có thể được xử lý một cách công bằng, minh bạch, đúng người, đúng tội, và (2) Cần hoàn thiện cơ chế, và xây dựng đội ngũ hành pháp và tư pháp đủ năng lực, và công chính trong việc thực thi pháp luật. Ngoài ra, các bộ phận lập pháp, hành pháp, và tư pháp cần độc lập với nhau, để đảm bảo tính khách quan và công bằng của pháp luật. Cần xây dựng ý thức tôn trọng kỷ cương, phép nước trong mọi người dân, bất kể địa vị, chức vụ. Công chức nhà nước nếu phạm pháp cần phải xử phạt nặng hơn người thường. Để khôi phục kỷ cương phép nước, cần tạo dựng niềm tin của công chúng vào tính công bằng của pháp luật, và sự liêm chính của đội ngũ thực thi pháp luật. Ngoài ra, cũng cần phổ biến kiến thức pháp luật sâu rộng trong mọi công dân, bằng các bài học ở trường lớp, các phim truyện về tình huống pháp luật, các trung tâm tư vấn pháp luật miễn phí, và các công thông tin pháp luật...

*4/ Biết cách thể hiện quan điểm, ý kiến:* Ở xã hội văn minh, mọi người được quyền bày tỏ ý kiến của mình một cách tự do, miễn là không xúc phạm đến người khác. Chỉ có bằng việc trao đổi, thảo luận một cách công khai, tự do, thì các sáng kiến, ý tưởng hay mới có dịp được thể hiện và áp dụng. Ở nước ta, do truyền thống văn hóa và do cách giáo dục, nên khi được mời phát biểu ý kiến, nhiều học sinh, sinh viên không biết cách thể hiện quan điểm của mình. Điều này, có nguyên nhân từ thói quen ít được phát biểu trong những năm học phổ thông và tâm lý sợ sai. Để khắc phục, cần phải

bắt đầu từ việc giáo dục ở nhà trường, các thầy/cô phải tập cho các em thói quen phát biểu và trình bày ý tưởng của mình, phải xem đây là một trong các mục tiêu giáo dục và cần được đánh giá sự tiến bộ sau mỗi cấp học. Việc tôn trọng quan điểm, ý kiến khác biệt là rất cần thiết để tạo ra sự tự tin ở người phát biểu. Nếu thầy/cô la rầy, hay không chấp nhận những ý kiến khác biệt, lâu dần, sẽ làm học trò sợ sai và không dám phát biểu ý kiến. Cũng vậy, nếu xã hội thiếu khoan dung với những ý kiến, tư tưởng khác biệt, cấm đoán hoặc bỏ tù những người nói trái quan điểm của nhà cầm quyền, lâu dần, xã hội sẽ mất khả năng sáng tạo, và người dân sẽ không dám bày tỏ ý kiến phản biện hay phê phán để góp phần cải thiện xã hội. Một xã hội mà người dân sợ sệt, không dám bày tỏ quan điểm, ý kiến của mình, là một xã hội bất an, và không thể phát triển được, bởi xã hội đó đã không tận dụng được trí tuệ tập thể. Nếu nhà cầm quyền chỉ dựa trên sức mạnh để trấn áp những tiếng nói khác biệt sẽ tạo nên nhiều chia rẽ và xung đột ẩn tàng bên trong xã hội. Những mâu thuẫn đó nếu không được giải tỏa, nó sẽ có nguy cơ trở thành tác nhân gây bất ổn xã hội.

*5/ Tự chịu trách nhiệm với quyết định của mình:* Đây là mục tiêu rất quan trọng của một xã hội dân chủ, văn minh. Ở đó, mọi người biết cách ra quyết định đối với những việc quan trọng của xã hội và tự chịu trách nhiệm với những quyết định của mình. Chính việc tự quyết và tự chịu trách nhiệm thể hiện người dân có quyền làm chủ đối với đất nước và vận mệnh của họ. Ví dụ: quyết định của người dân Đông Timor để tách khỏi Indonesia, quyết định của người dân Scotland

khi tiếp tục là một phần của nước Anh... Để đạt được mục tiêu này, đòi hỏi người dân phải có mức độ hiểu biết nhất định về luật pháp, tổ chức xã hội, biết cách sử dụng các công cụ như bỏ phiếu, bất tuân dân sự, biểu tình... để thể hiện quan điểm, quyết định của mình đối với các vấn đề chung của xã hội, và cũng chịu trách nhiệm với những quyết định đó. Ở nước ta, một bộ phận dân chúng vẫn có thói quen thờ ơ với việc chung, không dám quyết định chuyện gì, nhất là chuyện chính trị, hay việc chung của cả nước, vì họ nghĩ “mọi chuyện đã có đảng và nhà nước lo”. Đây là một thái độ thiếu trưởng thành, lệ thuộc, thể hiện tâm thế của kẻ nô lệ hơn là của người công dân trong một đất nước tự do. Điều này có thể do hệ quả của chiến tranh, do người dân thiếu kiến thức, hoặc do chưa quen với việc ra quyết định và chịu trách nhiệm với các quyết định của mình. Vì vậy, giờ là lúc để mọi người phải trưởng thành hơn lên, phải biết cách ra những quyết định liên quan tới cuộc sống của mình, thay vì ngồi đó than vãn về môi trường sống ô nhiễm, thực phẩm thiếu vệ sinh, giáo dục xuống cấp, y tế quá tải, công chức làm việc kém, tham nhũng... Hãy cùng nhau quyết định cải tạo vệ sinh chung, yêu cầu thay đổi những chính sách sai lầm, đòi cách chức các công chức kém hiệu quả, cùng tạo ra những thiết chế xã hội lành mạnh, tích cực... để thấy rằng mình chính là người chủ thật sự của đất nước và chịu một phần trách nhiệm đối với đất nước này.

### **3. Kết luận**

Trên đây là tóm tắt một vài điều, tuy nhỏ nhặt, có thể



chưa đầy đủ, nhưng nếu mọi người cùng nhau thực hiện, thì nó sẽ có tác dụng lan tỏa, tạo ra sự thay đổi rất lớn đối với tương lai đất nước. Như sự vỗ cánh của một con bướm, tuy nhỏ bé, nhưng nếu gặp điều kiện thích hợp và có sự cộng hưởng, thì có thể tạo nên một cơn bão lớn quét sạch những rác rưởi ở một nơi rất xa. Do đó, nếu mọi người đồng lòng, cùng thực hiện được những điều trên đây, Việt Nam đã có thể chuyển hướng và bước vào lộ trình phát triển vững chắc trên con đường tiến đến mục tiêu Dân giàu, Nước mạnh, Xã hội Công bằng, Dân chủ, Văn minh. Vấn đề đặt ra là sự thay đổi nào cũng cần phải có can đảm và quyết tâm. Phải biết vượt qua những trở ngại, dị biệt lúc ban đầu, biết đoàn kết, gạt bỏ những điều tệ xấu hiện tại, can đảm phá bỏ những gì cản trở đất nước tiến triển theo chiều hướng tiên bộ, để thực hiện ước vọng của toàn dân.

Liệu lúc này, mọi người đã sẵn sàng đồng lòng, chung tay góp sức cho một nước Việt Nam giàu mạnh, tiến bộ, dân chủ và văn minh trong tương lai hay chưa? Câu hỏi đó đặt ra cho tất cả chúng ta, những người Việt Nam ở trong và ngoài nước, công chức hay dân thường, những người còn biết lo lắng cho vận mệnh của đất nước và con cháu chúng ta, trước hiểm họa ngoại xâm, và lệ thuộc đang đến rất gần. Tiến lên một xã hội văn minh, phát triển hay mãi mãi dậm chân ở vũng lầy kém cỏi và lệ thuộc là do chính chúng ta quyết định.

Tp.HCM, Tháng 9/ 2015

# MỘT VÀI BÌNH LUẬN CHIA SẼ VỀ GIÁO DỤC

## 1. Phương pháp dạy lấy học sinh làm trung tâm

Phương pháp dạy "lấy học sinh là trung tâm" là phương pháp dựa trên nguyên tắc kích thích sự ham hiểu biết của trò, từ đó, người thầy sẽ đáp ứng xoay quanh các câu hỏi và vấn đề mà trò gặp phải. Cụm từ này để đối lập với phương pháp "lấy thầy làm trung tâm", nghĩa là mọi thứ xoay quanh thầy, thầy dạy những gì thầy muốn truyền đạt, chứ không chắc là những gì học trò muốn học. Còn phương pháp "lấy trò làm trung tâm" thì học trò đóng vai trò chủ động trong việc tiếp cận tri thức.

Về nguyên tắc thì đơn giản như vậy, nhưng về áp dụng thì rất khó. Đòi hỏi sự làm việc rất nhiều của cả thầy và trò. Đối với thầy, thay vì soạn sẵn một bài giảng cố định theo trình tự nào đó, thì bây giờ thầy phải tổ chức lớp, phân công, đặt câu hỏi gợi mở, dự phòng các câu hỏi và các tình huống có thể... Về phía trò, thay vì tới giờ đến lớp nghe giảng chép bài, thì phải chuẩn bị bài trước theo sự phân công/ bài tập nhóm, ngoài ra còn phải tự thu thập thông tin, chuẩn bị nội dung và trình bày. Chính quá trình tự tiếp cận tri thức đó, khiến học sinh hiểu sâu vấn đề và có thể đặt ra nhiều câu hỏi sâu sắc hơn, hay hơn. Tuy nhiên, với cách làm này, nếu không khéo, sẽ dẫn đến một số khuyết điểm : không đủ thời gian, không bao quát hết nội dung cần dạy, sa đà vào một số chi tiết quá nhỏ, chỉ có một vài nhóm học và hiểu, các nhóm khác chơi và không hiểu gì...

Vì vậy, phương pháp "lấy học sinh làm trung tâm" có nhiều mặt tích cực, và cũng có những hạn chế của nó. Khi áp dụng, thầy và trò cũng phải nắm nguyên lý này, và làm việc hết mình thì mới đạt hiệu quả....

## **2. Một vài suy nghĩ trong dịp coi thi tuyển sinh ĐH**

Hôm nay là ngày đầu tiên coi thi tuyển sinh Đại học. Cũng như mọi năm, tất cả thầy/cô tham gia coi thi đều phải tập trung trước ngày thi chính thức để được tập huấn. Thấy mọi người ai cũng căng thẳng quá, hết nghe quy định mới này, lại đến quy định mới kia. Sau một hồi tập huấn, ai nấy cũng thấy nhúc cả đầu, mà không nhớ được gì hết.

Cũng lạ, hình như khi người ta muốn làm cái gì càng "nghiêm túc", càng "chặt chẽ", thì họ càng bị rối rắm bởi quá nhiều quy định chi tiết, và lại càng trở nên căng thẳng hơn. Tội nghiệp các thí sinh, đã vừa lo lắng việc thi cử, lại vừa căng thẳng vì đủ thứ quy định và thủ tục phòng thi. Nhất là khi gặp phải các giám thị mới, mặt ai cũng căng thẳng, nghiêm trọng thì quả là "khủng khiếp"!

Thật ra, mọi quy định, quy chế chi tiết thì có viết ra thành cả núi giấy cũng sẽ không hết được các trường hợp ngoại lệ, tình huống phát sinh. Càng quy định nhiều, càng làm công việc thêm rối rắm, và nhất là các giám thị sẽ không biết "đặt tay đặt chân" vào đâu cả. Chi bằng, chỉ cần nhìn vấn đề một cách đơn giản hơn đó là đề cao tính nghiêm túc, đưa ra những quy tắc chung để hành xử. Nhờ đó, mọi người sẽ tự giác giữ nghiêm kỷ luật, mà không vô tình hình sự hóa

các vấn đề, không gây căng thẳng thái quá cho giám thị và thí sinh. Với tinh thần đó, mọi người sẽ có thể để hết tâm vào công việc, và giải quyết mọi vấn đề một cách nhẹ nhàng theo các nguyên tắc chung đã đề ra.

Suy cho cùng, mọi quy định đưa ra là nhằm mục đích đề cao kỷ luật trường thi, nâng cao tính nghiêm minh của việc thi cử, và đảm bảo sự khách quan, công bằng của kỳ thi. Nếu quá chấp chặt vào chữ nghĩa, quy định, mà quên mất mục tiêu chung của kỳ thi, sẽ có thể dẫn đến những ứng xử cứng nhắc, không hợp tình hợp lý, và ảnh hưởng đến chất lượng kỳ thi. Một khi mọi người tham gia kỳ thi nắm rõ mục đích và tinh thần của nó, họ sẽ có thể áp dụng các quy định chung một cách linh động và phù hợp từng tình huống. Nhờ đó, mọi người sẽ có thể thoải mái về mặt tinh thần hơn, vui vẻ hơn, tận tâm hơn và nhất là đảm bảo kỳ thi nghiêm túc, chất lượng hơn.

### **3. Suy nghĩ về cải cách thi cử, đánh giá ở VN**

Hiện nay, việc cải tiến chất lượng giáo dục đào tạo nói chung, và nâng cao chất lượng giáo dục Đại học nói riêng đang trở thành một trong những nhu cầu cấp bách để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần phát triển đất nước. Chính vì vậy, Bộ GD-ĐT đã xem cải cách chất lượng đào tạo như một nhiệm vụ trọng tâm của ngành, và quá trình cải cách giáo dục cũng ảnh hưởng lớn đến nhiều đối tượng và thu hút sự quan tâm của toàn xã hội. Trong giáo dục đại học, việc kiểm tra đánh giá là rất quan trọng để đảm bảo đo lường đúng năng lực của người học, cũng như đảm

bảo chất lượng của cả quá trình đào tạo. Tuy nhiên, có rất nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá khác nhau, tùy theo đối tượng, giai đoạn và mục tiêu đánh giá, nên việc chọn ra phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp cho giáo dục đại học ở Việt Nam là một bài toán khó. Vì vậy, tìm hiểu các phương pháp đánh giá kết quả đào tạo, những ưu khuyết điểm của từng phương pháp, để từ đó chọn ra phương pháp phù hợp nhất cho bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam là rất cần thiết. Hy vọng những điều thảo luận trong bài viết này sẽ là cơ sở cho những nghiên cứu sâu hơn về chủ đề này, góp phần vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo sự thành công của quá trình đổi mới giáo dục theo mục tiêu mà Bộ GD-ĐT đã đề ra, đáp ứng kỳ vọng của toàn xã hội.

Các phương pháp đánh giá thành quả học tập gồm:

- Quan sát: người học được giao thực hiện 1 đề tài, hoặc đi thực tập, làm thí nghiệm trong môi trường thực tế, và viết báo cáo.

- Thi viết: người học trả lời các câu hỏi trên giấy, gồm thi tự luận và trắc nghiệm

- Thi vấn đáp: người học trả lời các câu hỏi của giám khảo một cách trực tiếp qua đối thoại, hoặc 1 bài thuyết trình.

Trắc nghiệm là một kiểu đánh giá hay đo lường có sử dụng những thủ pháp/ những kỹ thuật cụ thể, có tính hệ thống nhằm thu thập thông tin và chuyển những thông tin này thành các con số hoặc điểm để lượng hoá cái cần đo. Trắc nghiệm có sự khác biệt với các kỹ thuật đánh giá khác như quan sát,

phỏng vấn chủ yếu là mức độ kiểm soát được dùng trong suốt quá trình thu thập thông tin. Hiện nay, Bộ GD-ĐT nước ta đang có xu hướng mở rộng áp dụng hình thức đánh giá trắc nghiệm cho tất cả các môn ở kỳ thi phổ thông. Tuy nhiên, cũng cần nhận thức mỗi hình thức đánh giá đều có ưu và khuyết điểm riêng.

Tinh thần cốt lõi của các xu hướng mới là chuyển từ đánh giá theo kiến thức-kỹ năng sang đánh giá theo năng lực của người học. Tức là, không lấy việc tái hiện kiến thức đã học làm trung tâm của việc đánh giá, mà chú trọng vào việc áp dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề thực tế. Nói khác hơn, nó chuyển từ trọng tâm tích lũy tri thức, sang việc ứng dụng và sáng tạo tri thức. Người học không còn ở vị trí thụ động tiếp thu tri thức, mà ở vào vị trí chủ động ứng dụng và sáng tạo tri thức để giải quyết vấn đề phức tạp và đa dạng. Mục tiêu của giáo dục hiện đại là giúp người học phát huy tối đa năng lực cốt lõi của mình. Từ đó, đáp ứng tốt các nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

Từ các nhận định trên, ta thấy rằng quá trình cải cách GDDH ở Việt Nam cần đảm bảo xu hướng mới, đó là để đạt được mục tiêu là người học có thể hòa nhập môi trường làm việc đa lĩnh vực, đa văn hóa sau khi tốt nghiệp, CTĐT và phương thức đánh giá cần được điều chỉnh theo hướng:

- tiếp cận yêu cầu của người sử dụng lao động, và
- phát huy năng lực người học theo đa kỹ năng

Nhận thấy, cách tiếp cận CDIO mà trường ĐHBK

đang áp dụng để cải tiến CTĐT và phương thức đánh giá là phù hợp với 2 xu hướng trên.

Hơn nữa, để việc kiểm tra đánh giá hỗ trợ tốt cho quá trình đảm bảo chất lượng, phát huy được năng lực người học và nâng cao hiệu quả đào tạo một cách bền vững, các nguyên tắc sau cũng cần được lưu ý tuân thủ:

- Đảm bảo khách quan
- Đảm bảo công bằng
- Đảm bảo tính toàn diện
- Đảm bảo tính công khai
- Đảm bảo tính giáo dục
- Đảm bảo tính phát triển

Từ những phân tích trên, kết hợp với thực tiễn làm công tác giảng dạy và quản lý ở khoa QLCN, ĐHBK Tp.HCM, người viết nhận thấy phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với các trường Đại học ở Việt Nam hiện nay nên có các đặc điểm như sau:

-Nên dựa trên một cách tiếp cận mang tính hệ thống để cải tiến CTĐT và phương pháp đánh giá 1 cách liên tục, mà CDIO là 1 ví dụ tốt.

-Nên đảm bảo xu hướng mới trong GDĐH, đó là: lấy người học làm trung tâm, và đánh giá theo năng lực.

-Về thang đánh giá và thời điểm đánh giá, sẽ khác nhau tùy từng môn học, tuy nhiên, nên đưa ra nhiều cột điểm và đánh giá theo nhiều tiêu chí khác nhau, đồng thời, việc

đánh giá nên dựa theo quá trình, vì như vậy sẽ giúp người học nhận được nhiều phản hồi, phát triển được năng lực và tiến bộ theo thời gian.

- Về hình thức đánh giá: nên linh động tùy theo từng môn, không nên áp dụng 1 hình thức cho tất cả các môn học, vì như thế sẽ không phù hợp với những mục tiêu, đặc điểm kiến thức và phương pháp giảng dạy khác nhau. VD: đối với những môn như: khoa học tự nhiên, toán, ngoại ngữ... có thể áp dụng hình thức thi trắc nghiệm, tuy nhiên, đối với các môn như: khoa học xã hội, văn chương, tư duy, kỹ năng... thì nên áp dụng hình thức tự luận, thực nghiệm hoặc vấn đáp... Tuy nhiên, cũng nên phối hợp nhiều hình thức đánh giá cho 1 môn học, nhằm đo lường chính xác năng lực, kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học.

- Về nội dung đánh giá: nên tập trung vào các năng lực cốt lõi, đặc biệt nên điều chỉnh theo hướng đánh giá nhiều hơn về: thái độ và kỹ năng mềm của người học, như: tự học, thích ứng, sáng tạo, kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề... Để việc đánh giá có thể toàn diện người học, cần dựa trên các dự án thực tế, các hoạt động nhóm và tích hợp nhiều nội dung vào 1 bài đánh giá.

- Yêu cầu của đánh giá: cần phải công khai các tiêu chí đánh giá, cột điểm, tỷ lệ... trong đề cương môn học, và thông báo cho người học ngay từ đầu môn học. Việc đánh giá cần đảm bảo tính công bằng, công khai và khách quan. Đảm bảo tính công bằng tương đối giữa các sinh viên trong lớp, và giữa các khóa khác nhau. Điểm số và parem chấm



điểm nên được công khai đến người học. Nên chú trọng vào thực chất của năng lực đạt được, hơn là kiến thức lý thuyết.

- Các kết quả đánh giá nên được sử dụng để cải tiến phương pháp đánh giá, và CTĐT theo định kỳ, trên nguyên tắc của cải tiến liên tục, để giúp cho việc đánh giá ngày càng chính xác và chất lượng đào tạo ngày càng tốt hơn so với mục tiêu đặt ra.

Từ các đặc điểm trên, một số đề xuất về phương pháp đánh giá phù hợp cho bối cảnh 1 trường Đại học ở Việt Nam được tóm tắt như sau:

- Đánh giá đầu vào tuyển sinh: tùy theo tình hình mỗi trường và chỉ tiêu tuyển sinh, có thể dựa trên kết quả bài thi tuyển sinh (trắc nghiệm/ tự luận). Ngoài ra, cũng có thể dựa trên phỏng vấn, xét duyệt hồ sơ đối với một số trường hợp đặc biệt.

- Đánh giá các môn cơ sở: nên khuyến khích sử dụng hình thức thi trắc nghiệm để thuận tiện cho việc chấm bài, và cho kết quả nhanh chóng, khách quan. Tuy nhiên, những môn học đòi hỏi năng lực tư duy, trình bày, lập luận... nên thi dưới dạng tự luận.

- Đánh giá các môn chuyên ngành: nên áp dụng nhiều cột điểm và nhiều hình thức đánh giá, vd: case study, dự án, bài tập trên lớp, thực hành, thi giữa kỳ, thi cuối kỳ. Nên áp dụng đánh giá theo quá trình.

- Đánh giá tốt nghiệp: nên dựa trên đánh giá toàn diện quá trình học (ĐTBTTL tối thiểu), đánh giá kiến thức tổng hợp,

kỹ năng giải quyết vấn đề thực tế, thông qua: báo cáo thực tập, luận văn, thuyết trình bảo vệ trước HĐ... Cần công khai các tiêu chí đánh giá, đảm bảo tính công bằng và chuẩn mực chất lượng giữa các HĐ đánh giá.

Tóm lại, đánh giá kết quả đào tạo ở các trường ĐH là một nhiệm vụ thách thức, đòi hỏi phải hiểu rõ về mục tiêu đào tạo, các phương pháp đánh giá để có thể chọn phương pháp phù hợp với từng đối tượng, môn học và giai đoạn đào tạo. Quá trình đánh giá kiểm tra không những giúp giảng viên đảm bảo công bằng và mục tiêu đào tạo, mà còn góp phần đảm bảo chất lượng của cả hệ thống. Việc đánh giá cần gắn liền với hoạt động cải tiến liên tục để đảm bảo tính phù hợp với xu thế giáo dục hiện đại và nâng cao tính cạnh tranh của nhà trường. Một số gợi ý về phương pháp đánh giá phù hợp với tình hình GDDH Việt Nam cũng được đề xuất, bao gồm: áp dụng CDIO, phương pháp cần linh động, khuyến khích sử dụng trải nghiệm, đánh giá theo quá trình, tập trung vào các năng lực cốt lõi của người học... Việc phối hợp các phương pháp cần áp dụng một cách linh động trong suốt quá trình học, đảm bảo tính khách quan, công bằng, và công khai của quá trình đánh giá. Hy vọng, các phương pháp phù hợp cho việc đánh giá giáo dục đại học ở Việt Nam sẽ được áp dụng, làm cơ sở cho việc cải cách giáo dục thành công.

# BÀN VỀ SỰ HỌC

## 1. Tiên sư và tục sư

Đã gọi là thầy (sư) thì không phân biệt cao thấp, cứ hơn một tí tẹo là có thể làm thầy (nhất tự vi sư, bán tự vi sư). Chung quy chia làm hai hạng. Hạng tiên sư và hạng tục sư. Hạng tiên sư vì người mà dạy cách làm người. Hạng tục sư vì tiền mà dạy cách làm tiền. Hạng tiên sư “lôi” kiến thức (vốn có sẵn) trong bụng học trò ra. Hạng tục sư “nhét” kiến thức từ ngoài vào.

Tin theo tiên sư thì con người là tiểu vũ trụ. Tin theo tục sư thì con người là cái thùng chứa sách. Hạng tiên sư chỉ cho học trò thấy cái chỗ thiếu của mình. Hạng tục sư chỉ cho học trò thấy cái chỗ giỏi của mình. Thấy thiếu thì lo lắng, muốn được bổ sung, vì thế kiến thức tăng tiến. Thấy giỏi thì hung hăng, muốn được thi thố, vì thế kiến thức dừng lại. Hạng tiên sư nương theo con người mà hành đạo. Hạng tục sư nương theo chính trị mà hành nghề. Nước có đạo lý thì tiên sư nhiều hơn tục sư. Nước vô đạo lý thì tục sư nhan nhản, có khi bói không ra một mống tiên sư nào. Chính trị đứng đắn chú trọng đến tiên sư. Chính trị lưu manh chú trọng đến tục sư. Bởi thiên hạ ai cũng quan tâm đến việc làm người thì chính trị khó bịp, ngôi vua nguy như đèn ra trước gió, phải tử tế lắm mới mong giữ được. Thiên hạ ai cũng quan tâm đến việc làm tiền thì chính trị tha hồ bịp, ngôi vua chả cần tử tế vẫn có thể muối mặt mà cố đấm ăn xôi.

Giáo dục cốt làm thay đổi dân trí. Song không phải bao giờ cũng theo hướng nâng cao. Giáo dục vì dân nhằm vào cái chỗ sáng suốt của dân. Giáo dục lừa dân nhằm vào cái chỗ mê lú của dân. Huống chi cái việc học làm người kia lại vô cùng khó khăn. Bậc tiên sư dù cố đến mấy, rốt cuộc chỉ mang tiếng vẽ đường cho hươu chạy. Mấy ngàn năm càng vắng ngắt bóng người...

## 2. Học làm người là khó

Không Phu Tử một hôm đang thư thái, bỗng buột mồm nói ra câu: “Người ta thường sắp chui vào quan tài rồi, mới biết làm người là một việc khó”. Các học trò nhao nhao thắc mắc. Ai cũng cho rằng Ngài nói vậy là hơi bi quan. Làm người mà khó đến như thế, thì chẳng lẽ cuộc đời này toàn... khi hết hay sao? Rằng cứ theo cái thuyết chữ “Nhân” của Ngài, thì miễn sao sống cho tử tế, có hiếu với bố mẹ, ông bà, không ăn cắp ăn trộm, không lừa đảo hay hại ngầm hại ngầm ai... là thành người được rồi. Chứ có gì ghê gớm mà Ngài phải kêu khó. Không Tử bèn thuyết liền một hồi:

- Các người chỉ biết một mà chưa biết hai. Làm người trước tiên cần phải biết phân biệt. Mà phân biệt đâu phải là một kiến thức đơn giản. Không biết phân biệt sẽ không bao giờ cho ra cái hồn người. Kẻ không biết phân biệt có ba việc mù mờ, như sau: Thứ nhất, ăn không biết thế nào là ngon, uống chẳng biết thế nào là dở... như thế gọi là: “thực bất tri kì vị”. Thứ hai, nói không biết nên nói với ai, nghe chẳng biết nên nghe ai nói... như thế gọi là: “xử bất tri kì nhân”. Thứ ba, đi không biết nên đi theo đường nào. Ngồi chẳng

biết nên ngồi chỗ nào cho đúng... như thế gọi là: “hành bất tri kì đạo”.

- Huông chi các người chỉ biết nghe theo một chiều, hiểu theo một chiều, tin theo một chiều... duy nhất. Trên đời này không cái ngu nào sánh bằng ngu đó. Không cái lười nào sánh bằng lười đó... Vừa ngu, vừa lười đến tận cùng như thế, thì làm sao có thể tự hiểu được mình. Kẻ không hiểu được mình thì đứng không biết mình đang đứng chỗ nào, đi chẳng biết mình sẽ đến đâu... Thế rồi tự cao tự đại, thế rồi võ ngực xưng danh... tự cho là mình khôn nhất thiên hạ. Lời nói hay chẳng bao giờ lọt vào tai nữa, cứ một mực tin theo những hạng đều giả. Kiến thức như thế thì dẫu cao mấy, thực chất cũng chẳng khác gì kiến thức của một anh hoạn lợn. Không những tự gây họa cho mình, mà còn gây họa cho người khác. Có khi gây họa cho cả thiên hạ chưa biết chừng.

Các học trò nghe đến đó thì sợ toát mồ hôi. Bèn hỏi:

- Thế nào là tự gây họa cho mình?

Không Tử bảo:

- Người ta vạch ra cái chỗ dở của mình để mong mình sửa, thì lại tưởng là người ta chửi. Người ta nịnh cái chỗ đều của mình để hồng kiếm chác, thì lại tưởng là người ta khen... Rốt cuộc người đáng lẽ là bạn, thì lại nghĩ là thù. Kẻ đáng lẽ là thù, thì lại cho là bạn... Lẫn lộn, u tối đến như thế mà không gặp họa thì xưa nay chưa ai từng nghe nói đến bao giờ.

Các học trò nghe thấy thế thì càng sợ hơn nữa. Lại hỏi tiếp:

- Thế nào là gây họa cho thiên hạ?

Không Tử bảo:

- Hạng người ấy mà làm tướng thì mất toi thành. Làm quan phủ, quan huyện nào thì dân trong phủ, huyện ấy đều đứng. Làm vua thì cả nước khốn nạn, thậm chí còn mất nước vào tay ngoại bang. Làm thầy thì ngu đến cả trăm đời sau... Thế gọi là gây họa cho thiên hạ.

Các học trò hỏi tiếp:

- Vậy cứ theo ý Phu Tử thì bao giờ chúng tôi mới có thể học thành người?

Không tử trả lời:

- Ta có thể dạy các người hiểu thấu được lẽ đời (nhi bất hoặc – hết ngờ vực). Song không thể dạy các người hiểu thấu được lòng trời (tri thiên mệnh – biết mạng trời). Ta có thể dạy các người hiểu thấu được lòng trời. Song không thể dạy các người hiểu thấu được lòng người (nhi nhĩ thuận – nghe thuận tai). Ta có thể dạy các người hiểu thấu được lòng người. Song không thể dạy các người hiểu thấu được lòng mình (tòng tâm kì dục, bất du củ – tùy lòng muốn mà vẫn không thay đổi quy củ). Ta có thể dạy các người hiểu thấu được lòng mình. Song không thể dạy các người khiến được lòng mình (lạc dĩ vong ưu – vui (theo đạo lý) mà quên hết buồn phiền). Ta có thể dạy các người khiến được lòng mình. Song không thể dạy các người (thấu suốt đạo lý) đến nỗi quên đi cả sự tồn tại của mình (bất tri lão chi tương chí – không hề biết tuổi già của mình sắp đến). Xem thế thì biết,

cái sự học làm người kia là... không biết đến bao giờ.

Các học trò nghe như vệt nghe sấm. Bèn đề nghị:

- Phu Tử có thể giảng kĩ hơn một chút được không? Vẫn biết học làm người là một việc khó khăn, lâu dài. Song có sao lại rắc rối như thế?

Khổng Tử bảo:

- Đó là những thang bậc từ thấp đến cao của cái sự học. Cũng là những điểm “chết” của kiến thức. Vượt qua được những mốc ấy là một việc khó khăn nhất trong cái sự học của muôn đời. Dừng lại ở bất cứ mốc nào cũng lập tức biến thành người ngu.

Các học trò lại hỏi:

- Thế nào là biến thành người ngu?

Khổng Tử bảo:

- Kẻ ngu nhất trên đời là kẻ tự bằng lòng với kiến thức của mình. Dầu đã thấu hết lẽ đời thì cũng không bao giờ hiểu được lòng trời. Dầu đã thấu được lòng trời thì cũng không bao giờ hiểu được lòng người. Dầu đã thấu được lòng người thì cũng không bao giờ hiểu được lòng mình... Từ khi làm thầy, ta kị nhất loại học trò học đến đâu giỏi đến đó. Học kiểu ấy nguy như trứng để đầu gậy. Bởi kiến thức có thể dừng lại bất cứ lúc nào. Kiến thức đã dừng lại, thì hậu quả tai hại sẽ không biết đâu mà lường được. Có khi còn biến thành một kẻ lưu manh trí thức lúc nào không hay. Nói đến đó, Khổng Tử bỗng buột mồm thốt ra một câu than thở:

- Ôi! Kẻ học giả lúc nào cũng có sẵn sàng một cơ hội lớn để trở thành một tên... thậm ngu ngốc, thậm lưu manh.

### 3. Ví dụ về sự học làm người

Các học trò nghe vậy thì không ai bảo ai, tất cả đều nhất tề thở dài đánh sượt một cái. Lại hỏi tiếp:

- Phu Tử nói thế thì chúng tôi cũng đành cố gắng học được đến đâu hay đến đó, học mãi không dám dừng lại. Chứ còn biết làm thế nào. Không hiểu những đời sau này không có Phu Tử, thì rồi có ăn thua gì không? Hay là chỉ sinh ra rất những hạng bịp bợm, kiến thức đã như anh hoạn lợn, mà đều giả, bất lương thì không ai sánh bằng. Nhưng chẳng hay Phu Tử có thể lấy ví dụ về cái việc học làm người là rất khó ấy, cho chúng tôi nghe được không?

Không Tử bèn ví dụ bằng mấy câu chuyện sau đây:

*Câu chuyện thứ nhất:* Ta (Không Tử) từng có một học trò xưng là Tử Hư. Y là một người rất say mê cây cối. Cây càng cổ thụ, y càng mê mẩn. Không ngày nào là y không tìm đến một nơi có cây cao bóng cả, có tán rộng như những chiếc dù vĩ đại, che rợp cả một vùng, cành lá xanh tốt sum xuê để ngắm nghía, xuýt xoa... Ngắm mãi không biết chán, xuýt xoa mãi không mỏi mồm. Lại tưởng tượng mỗi tán cây như một nước, mỗi nhánh, cành như một phủ, huyện, mỗi lá cây như một kiếp người... còn thân cây như một vị hoàng đế. Sự hâm mộ kẻ cũng đến thế là cùng.

Một hôm, y chợt phát hiện thấy từ một thân cây to lớn mà xưa nay y vẫn hâm mộ, vẫn ngắm nghía ấy bỗng nhú ra



những mẩu gì tròn tròn, xam xám, mềm mại như lông thú. Những mẩu ấy cứ mỗi ngày lại thò dần ra. Vài hôm sau thì rõ là những cái đuôi chồn. Những cái đuôi chồn vất vẻo, ngoe nguẩy ở thân cây nom đến kinh. Cây không mọc cành, đơm lá... mà lại mọc ra những cái đuôi chồn? Đó là điều mà y không thể chấp nhận, không thể tin được. Y quyết tâm giữ gìn sự hâm mộ, còn hơn giữ gìn con người của mắt mình. Nhưng những cái đuôi chồn thì cứ sờ sờ ra đấy, làm y không chịu nổi.

Y bèn thắc mắc với ta. Ta bảo: “Người đã có thể tin được rằng mỗi thân cây như một vị vua, thì tại sao lại không tin được rằng từ đó có thể mọc ra những cái đuôi chồn? Chớ vì sự hâm mộ mà sinh ra lú lẫn. Kiến thức của người một khi đã cố chấp như thế thì khó có thể làm người được”.

*Câu chuyện thứ hai:* Ông Mỗ làm quan tể ở ấp Trâu là một người có tiếng ngay thẳng, thanh liêm, rất ghét thói nịnh bợ. Vì thế pháp luật được thi hành. Dân ấp Trâu vui vẻ làm ăn, không tranh giành, đều cáng với nhau. Trẻ con biết kính trọng người lớn, người lớn thương yêu, đùm bọc trẻ con. Ban ngày ra đường không ai nhặt của rơi. Tối về nhà không phải khoá cổng. Con trai, con gái đi riêng hai bên đường, không bậy bạ, sàm sỡ với nhau... Tất cả nhờ ở cái đức của ông quan Mỗ ấy mà có được như thế. Tưởng làm người mà được như ông Mỗ thì ai còn nghi ngờ gì nữa. Tất nhiên xung quanh ông cũng không thiếu những kẻ xấu, những kẻ cơ hội, bất lương. Chúng tìm mọi cách để nịnh nọt, lung lạc cái đức của ông hòng kiếm chác này nọ. Song ông Mỗ không những

không hề lay chuyển, mà còn thẳng tay trừng trị, khiến chúng không dám ho hoe gì nữa. Ấp Trâu ngày càng thịnh vượng.

Thế mà cũng chẳng được bao lâu. Có ai ngờ một người như ông Mỗ cũng đến lúc thay đổi. Ông bắt đầu thích những lời tâng bốc, ca ngợi. Ông bằng lòng và kiêu ngạo với những gì mình đạt được. Ông nhắm mắt, bịt tai trước những lời nói thẳng, những kẻ can gián. Thậm chí còn sai người bắt bớ, bỏ tù họ. Dần dần, ông biến hẳn thành một ông quan bịp bợm, lèo lá, vừa thích nịnh, vừa ăn của đút như ranh. Đám tay chân cũng nhanh chóng a dua theo. Chúng tha hồ nhân danh pháp luật để ăn cắp trắng trợn mọi thứ của dân, không cho dân được kêu ca, oán thán gì...

Ấp Trâu trở thành một nơi tăm tối nhất thiên hạ, chính trị đều giả, lưu manh không nơi nào sánh bằng. Dân chúng bị cuời lên đầu lên cổ đã đành, lại còn không dám hó hé, suốt ngày phải ca ngợi, mở mồm ra là phải nói lời biết ơn cái lũ đầu trâu mặt ngựa, cầm đầu là ông quan Mỗ ấy(!). Biết ơn lũ kẻ cướp là một việc xưa nay chưa từng có. Chắc chỉ diễn ra ở nơi có cái thứ chính trị đã biến thành lưu manh như kiểu ấp Trâu mà thôi.

Tại sao ông Mỗ lại thay đổi nhanh chóng, lại trở thành một kẻ thối nát ghê tởm như vậy? Trong khi ông từng có tiếng là một người ngay thẳng, ghét cay ghét đắng bọn nịnh hót kia mà. Ai đã bỏ bùa mê thuốc lú cho ông? Nguyên nhân té ra rất đơn giản. Tất cả chỉ tại lũ chó nhà ông. Trong nhà ông Mỗ nuôi một đàn chó, gầy, béo, đốm, khoanh, vàng, vện... đủ cả. Hàng ngày đi làm về, chúng tranh nhau vẫy đuôi

mừng ông rồi rít. Con thì liếm chân, liếm tay, con thì ngửi quần áo, con thì cố tru lên những tiếng sủa ra vẻ hớn hờ, vui mừng... Chúng thi nhau nịnh ông bằng đủ các động tác, cử chỉ làm ông vô cùng hả hê. Ông Mỗ từ chỗ thích cái sự nịnh nọt ấy của lũ chó, dần dần đâm ra thích được cả người nịnh. Nhất là những kẻ có cái lối nịnh cũng na ná như lũ chó kia thì ông lại càng thích. Mà những kẻ đó nào có thiếu gì. Tài bất chước chó của họ thì không chê vào đâu được. Họ không những nịnh bằng giọng lưỡi, động tác, bằng sự liếm láp y hệt loài chó... mà còn nịnh bằng cả văn chương, nhạc, họa... Thậm chí sẵn sàng bóp méo cả sử sách để làm hài lòng ông...

Thế mới biết làm người quả là một việc khó khăn. Duy trì sự tử tế quả là một công phu nan giải. Có khi bị hổng, bị dang dở giữa chừng chỉ vì lũ chó nuôi trong nhà. Vì thế, kẻ đã quyết chí làm người thì phải cảnh giác với từ con chó trở đi. Những điều trên đây rút ra từ ghi chép của Nhan Hồi - một học trò yêu của Khổng Tử. Khổng Tử có lần đã nói: “Này Hồi! ta sở dĩ thích ngươi, chính bởi ngươi là một học trò học đến đâu thấy thiếu đến đó. Vì thế kiến thức không bao giờ dừng lại, cái ngu, cái xấu không có cơ hội đến gần được với ngươi...”

*(Nguồn: sưu tầm từ Internet)*

# HỌC TẬP ĐIỆN TỬ & CHUYÊN GIAO TRI THỨC

## 1. E-Learning tại trường ĐHBK

E-learning là sự ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng công nghệ cách tân trên Internet vào giáo dục (đạy và học) nhằm làm cho công việc giáo dục trở nên dễ dàng, rộng rãi, và hiệu quả hơn. Ưu điểm của e-learning là tiết kiệm chi phí, tiết kiệm thời gian, học mọi lúc mọi nơi, uyển chuyển – linh động, tối ưu, và hệ thống hoá. E-learning phù hợp với mọi đối tượng, mọi lứa tuổi và nó thực sự nổi trội hơn các phương pháp đào tạo khác. Lợi ích của e-learning đã được công nhận, nhưng ảnh hưởng của nó lên hiệu quả học tập và chuyên giao tri thức từ thầy sang trò vẫn còn chưa được kiểm chứng một cách rõ ràng.

Đại học Bách khoa (ĐHQG-TP.HCM) đã xây dựng hệ thống e-learning (Sakai) để hỗ trợ chương trình đào tạo từ xa từ 2011. Ngoài ra, một hệ thống e-learning khác dựa trên Moodle (một nền tảng mã nguồn mở) cũng đã được cài đặt và triển khai cho các hệ đào tạo khác. Mặc dù có nhiều ưu điểm, nhưng tỷ lệ sử dụng e-learning vẫn khá thấp, và hiệu quả thực sự của việc sử dụng e-learning lên học tập và chuyên giao tri thức vẫn chưa được đo lường.

Trên thực tế, số sinh viên đăng ký chương trình đào tạo từ xa giảm dần trong những năm gần đây. Liệu có thể tận dụng thế mạnh của e-learning để cải tiến chất lượng dạy và học và thu hút sinh viên cho chương trình đào tạo từ xa. Theo ban quản trị mạng của ĐHBK, khoảng 50% giảng viên vẫn

chưa sử dụng hệ thống e-learning (2016). Điều này làm giảm mức độ tương tác trên hệ thống e-learning. Kết quả là hiệu quả dạy học của ĐHBK cũng bị ảnh hưởng và lợi ích thực sự của e-learning mang lại cũng giảm theo.

Thành quả học tập là kiến thức của học viên, những kỹ năng và thói quen học tập trong một khoá đào tạo và hiệu quả ứng dụng của họ lên công việc của họ. Học tập được xem là những kỹ năng của học viên và kiến thức có được qua trải nghiệm trong quá trình đào tạo. Chuyển giao tri thức là sự thay đổi thói quen của người học lên công việc thông qua kinh nghiệm trong quá trình đào tạo. Từ những nghiên cứu trước, nghiên cứu này muốn đo lường ảnh hưởng của các yếu tố như: Năng lực máy tính tự thân (Computer Self Efficacy), Tính dễ sử dụng (Ease of Use), Nhận thức tính hữu ích (Perceived Usefulness), Tương tác mặt đối mặt (Face to Face Interaction), Tương tác qua email (Email Interaction) và Sự hiện diện tính xã hội (Social Presence) lên Hiệu quả học tập và Chuyển giao tri thức qua e-learning.

Kết quả nghiên cứu thể hiện 3 yếu tố Nhận thức tính hữu ích & dễ sử dụng, Tương tác mặt đối mặt, và Sự hiện diện tính xã hội có mối quan hệ tuyến tính với Thành quả học tập của sinh viên trong bối cảnh hệ thống e-learning của trường Đại học Bách Khoa Tp.HCM đang trong tình trạng hoạt động kém hiệu quả.

Dựa trên kết quả nghiên cứu này, một số hàm ý quản lý và khuyến nghị để nâng cao chất lượng học tập và chuyển giao tri thức qua e-learning ở ĐHBK được đề xuất như sau:

- Làm cho hệ thống e-learning trở nên dễ sử dụng và hữu ích: Bộ phận quản trị mạng và e-learning cần cải tiến các chức năng của hệ thống hiện tại. Một số tính năng nên được tích hợp, như: hỗ trợ trực tuyến, hướng dẫn qua video, giải đáp các câu hỏi thường gặp... Ngoài ra, nên tổ chức các buổi tập huấn sử dụng hệ thống e-learning, đặc biệt là đối với SV. năm nhất và GV. mới. ĐHBK cũng nên dựa vào các phản hồi về chất lượng hệ thống để cải tiến và nâng cấp hệ thống nhằm đáp ứng kịp thời các nhu cầu sử dụng.
- Gia tăng sự hiện diện xã hội trên hệ thống e-learning: BQL. nên áp dụng một vài phương pháp như: tổ chức các sự kiện mà đòi hỏi sự tương tác và chia sẻ trên e-learning, vd: bỏ phiếu, thi online...; gắn kết với forum và phân công admin phụ trách từng chủ đề; tích hợp với portal của ĐHBK & các trang mạng xã hội của trường... Ngoài ra, đưa thêm một vài tính năng tương tác của web 2.0 và hệ thống e-learning, như: blog, chia sẻ video, bình luận..., cũng giúp tăng tính xã hội của hệ thống e-learning.
- Gia tăng tương tác qua e-mail và kỹ năng máy tính của thầy và trò: BQL. cũng cần cung cấp cho SV.

một địa chỉ e-mail lâu dài và khuyến khích dùng địa chỉ này để tương tác trên e-learning; tất cả các thông báo từ ĐHBK đến SV. cần gửi qua địa chỉ e-mail này. Tổ chức các khóa huấn luyện, các buổi seminar về nhiều chủ đề liên quan, như: kỹ năng sử dụng máy tính, khai thác hệ thống e-learning cho việc dạy và học, cách tìm kiếm thông tin khoa học, các công cụ/ công nghệ mới...

- Rèn luyện kỹ năng tự học cho SV.: Kỹ năng này rất quan trọng đối với SV. đã đi làm, thuộc các chương trình cao học, bằng 2, đào tạo từ xa. Đây cũng là một kỹ năng mềm khá cần thiết trong bối cảnh công nghệ thay đổi nhanh chóng của cách mạng công nghiệp 4.0. Tổ chức thành một khóa học riêng, hoặc lồng ghép các nội dung này vào các môn học đang có đều hữu ích. Ngoài ra, các kỹ năng này cũng có thể được truyền thụ trong các hoạt động ngoại khóa, như: buổi giới thiệu ngành, các dự án khởi nghiệp, cuộc thi... Việc cung cấp kỹ năng này cho SV. đòi hỏi người thầy cũng phải thay đổi phương pháp giảng dạy và đánh giá, trong đó cần chú trọng: cập nhật nội dung, lấy người học làm trung tâm, sử dụng bài học tình huống, tạo không gian tranh luận mở, học đi đôi với hành...

## 2. E-Learning ở một vài trường ĐH trong TP.HCM

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang mở ra nhiều cơ hội cho việc học tập trực tuyến và cũng dẫn đến nhu cầu học tập, giải trí và làm việc mọi lúc mọi nơi. Gần đây, hệ thống e-learning là rất quan trọng đối với bất kỳ đại học nào để nâng cao chất lượng giáo dục và cung cấp cho sinh viên các nguồn học liệu hữu ích và chất lượng cao. Tuy nhiên, làm sao để khuyến khích việc sử dụng e-learning và cải thiện chất lượng học tập thông qua hệ thống e-learning vẫn còn là một thách thức đối với các trường Đại học. Mục đích chính của nghiên cứu này là nhằm tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng e-learning và thành quả học tập của sinh viên các Trường đại học tại TP.HCM.

Từ các nghiên cứu trước, một mô hình nghiên cứu đã được đề xuất, và kiểm định bằng các phương pháp như: phân tích Cronbach alpha, EFA, CFA, và mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) trên phần mềm SPSS và AMOS. Dựa trên phân tích định lượng từ 356 bảng trả lời hợp lệ, kết quả kiểm định mô hình cho thấy 5 nhân tố có tác động tích cực đến việc sử dụng e-learning gồm: hỗ trợ từ Đại học (0.367), kỹ năng máy tính của SV. (0.274), hạ tầng (0.195), nội dung và thiết kế khóa học (0.145), và sự cộng tác của SV. (0.118). Ngoài ra, hiệu quả học tập còn chịu ảnh hưởng của 2 nhân tố là: việc sử dụng e-learning (0.446), và cộng tác của SV. (0.129).

Từ kết quả trên, một vài hàm ý quản lý được đề xuất để cải tiến hiệu quả sử dụng e-learning và gia tăng chất lượng học tập của SV. Đại học qua e-learning như sau:



- Sự hỗ trợ từ nhà trường có vai trò quan trọng ảnh hưởng mạnh đến việc sử dụng hệ thống e-learning. Nhà trường, cụ thể làm phòng quản lý mạng hay phòng đào tạo chuyên trách phải làm tốt các công việc hỗ trợ sinh viên càng nhiều thì sẽ làm tăng việc sử dụng hệ thống, làm tăng hiệu quả của hệ thống. Điều này sẽ góp phần ảnh hưởng đến thành quả học tập thu được của sinh viên.
- Kỹ năng máy tính của sinh viên, kinh nghiệm sử dụng máy tính trước kia, sự thành thạo các phần mềm máy tính có ảnh hưởng tích cực lên việc sử dụng hệ thống e-learning. Kỹ năng sử dụng vi tính có thể có được thông qua học tập và thực hành, do vậy nhà trường cần có các buổi hướng dẫn sử dụng các hệ thống thông tin trong nhà trường có liên quan đến sinh viên chi tiết hơn, cụ thể hơn, nhiều hơn,... nhằm đảm bảo tất cả sinh viên đều được trang bị tốt các kỹ năng máy tính cần thiết.
- Nội dung và thiết kế của các khóa học có ảnh hưởng khá mạnh đến việc sử dụng hệ thống e-learning. Do vậy, việc chuẩn bị các nội dung, thiết kế chương trình học cần được chú trọng đầu tư nhiều hơn và cung cấp các nội dung học tập đến sinh viên một cách nhanh chóng, đầy đủ, chính xác

sẽ góp phần làm tăng chất lượng học tập, tăng hiệu quả của hệ thống và thành quả học tập của sinh viên.

- Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin có ảnh hưởng đến việc sử dụng hệ thống e-learning là điều dễ nhận thấy. Một hạ tầng công nghệ thông tin mạnh, phần cứng máy chủ mạnh, phần mềm an toàn, tin cậy hoạt động ổn định sẽ giúp người dùng sử dụng hệ thống được thuận lợi, nhanh chóng, an tâm khi sử dụng. Do vậy, việc đầu tư nâng cấp các hệ thống máy chủ, phần mềm cần có kế hoạch và lộ trình cụ thể nhằm đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin của nhà trường luôn luôn phù hợp với xu hướng phát triển nhanh chóng của ngành công nghệ thông tin.
- Nhu cầu tương tác, làm việc cộng tác của các sinh viên với nhau là một nhu cầu thể hiện tính xã hội trong một hệ thống công nghệ thông tin. Ngày nay, nhu cầu này được chứng minh rất rõ với sự bùng nổ của các mạng xã hội với số lượng thành viên cực lớn. Các công cụ tích hợp và hệ thống e-learning hỗ trợ cho sự tương tác, làm việc cộng tác của các sinh viên sẽ giúp giải quyết được nhu cầu cấp thiết này. Trên thị trường có nhiều ứng dụng

như Teams của Microsoft hay Hangout của Google hỗ trợ rất mạnh cho điều này với chi phí rất rẻ thậm chí miễn phí nếu sử dụng cho trường học. Việc tăng cường hơn nữa các tính năng hỗ trợ sự tương tác, cộng tác của sinh viên như diễn đàn, hộp chat... trên các hệ thống e-learning hiện nay cần được quan tâm nhiều hơn vì điều này sẽ giúp làm tăng việc sử dụng và hiệu quả hệ thống đồng thời cũng góp phần làm tăng thành quả học tập của sinh viên.

